

ANH HÙNG
LAO ĐỘNG



CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS. NGUYỄN ĐỨC LUẬN

*Bí thư Đảng ủy,
Hiệu trưởng*

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

ThS. LÊ THỊ NHUNG
Phó Hiệu trưởng

Phó trưởng ban

ThS. PHẠM VĂN TIÊN
Phó Hiệu trưởng

Ủy viên

ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY

ThS. PHẠM PHƯƠNG THẢO

ThS. TRẦN QUANG CÔNG

ThS. TRẦN THỊ THÊM

ThS. LẠI THỊ GIANG

Thư ký

ThS. NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI BÌNH

Đ/c: Số 332 – Đường Lý Thường Kiệt -

Thành phố Thái Bình

Điện thoại: 02273.738.190

Website: <http://truongchinhtrithaibinh.edu.vn>

Email: truongchinhtrithaibinh@thaibinh.gov.vn

truongchinhtrithaibinh@hn.vnn.vn

In 180 bản, khổ 19 x 27 cm, tại Cơ sở in Liên Hoàn. Số 44/74 Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình

Giấy phép xuất bản số 104/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 04/11/2021

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2021.

BẢN TIN THÔNG TIN LÝ LUẬN & THỰC TIỄN

SỐ 02 - 2021

TRONG SỐ NÀY



THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

3

Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19-5-2021 của Ban Chấp hành Trung ương về trường chính trị chuẩn



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

10

Một số nội dung xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Phạm Văn Tuấn

18

Góp phần phê phán bác bỏ luận điệu xuyên tạc về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân

Nguyễn Thị Hồng Thuận

23

Thái Bình đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Lại Thị Giang

27

Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Bùi Đức Dũng

29

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong tình hình mới

Nguyễn Quốc Huỳnh

32

Vươn ra biển lớn - tầm nhìn chiến lược về phát triển kinh tế biển của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Phạm Thị Hằng

34

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I. Lênin về công tác cán bộ trong điều kiện đảng cầm quyền

Phạm Thị Vân Anh

41

Đại tướng Võ Nguyên Giáp với chiến thuật “đánh điểm diệt viện” trong Chiến dịch Biên giới

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

45

Một số quy định của pháp luật về lao động nữ

Trần Thị Thêm



MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

48

Lựa chọn nội dung thảo luận phù hợp đối tượng người học góp phần nâng cao chất lượng cụm Thảo luận số 5, Học phần IV. Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực đời sống xã hội

Nguyễn Thị Ngọc Thủy

52

Nâng cao chất lượng thảo luận trên lớp bài “Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay”

Lại Thanh Sơn



TIN TỨC - SỰ KIỆN

56

Một số hoạt động nổi bật của Nhà trường trong năm 2021

Phạm Phương Thảo

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số 11-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2021

QUY ĐỊNH Về trường chính trị chuẩn

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW, ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy định số 09-QĐi/TW, ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư quy định về trường chính trị chuẩn như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các tiêu chí về trường chính trị chuẩn.
2. Quy định này áp dụng đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trường chính trị chuẩn* là trường chính trị đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định và được cấp có thẩm quyền công nhận.
2. *Tiêu chí trường chính trị chuẩn* là căn cứ đánh giá trường chính trị trong từng lĩnh vực hoặc nội dung hoạt động. Mỗi tiêu chí có các chỉ tiêu cụ thể.

Điều 3. Các mức độ trường chính trị chuẩn và thời gian đánh giá

1. Có hai mức độ trường chính trị chuẩn, gồm chuẩn mức 1 và chuẩn mức 2. Trường chính trị chuẩn mức 2 đạt các chỉ tiêu cụ thể của từng tiêu chí cao hơn so với chuẩn mức 1.
2. Thời gian đánh giá các tiêu chí để công nhận trường chính trị chuẩn là 5 năm trở về trước kể từ thời điểm trường nộp hồ sơ đề nghị xét công nhận trường chính trị chuẩn.

Điều 4. Mục đích công nhận trường chính trị chuẩn

Việc công nhận trường chính trị chuẩn nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các hoạt động khác của trường chính trị.

Điều 5. Nguyên tắc đánh giá, công nhận trường chính trị chuẩn

1. Tuân thủ đúng quy định.
2. Bảo đảm dân chủ, khách quan.
3. Bảo đảm công khai, minh bạch.

Chương II**TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 1****Điều 6. Thể chế, quy định**

Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, hợp lý, khả thi, không trái với văn bản của cơ quan cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Đội ngũ cán bộ, viên chức

1. Đội ngũ cán bộ, viên chức của trường chính trị phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Đối với lãnh đạo trường

a) Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn, trong đó hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.

b) Có trình độ cao cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương).

c) Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.

d) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

e) Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 5 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.

3. Đối với trường khoa, phó trưởng khoa

a) Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.

b) Đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điểm b, c, d, đ, e, Khoản 2, Điều 7 Quy định này.

c) Lãnh đạo khoa chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 3 đề tài khoa học cấp trường trở lên.

4. Đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng

a) Đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điểm b, c, e, Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điều 7 Quy định này.

b) Tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình...

5. Đối với đội ngũ giảng viên

a) Đội ngũ giảng viên (giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm) chiếm tỷ lệ ít nhất 75% tổng số cán bộ, viên chức.

b) Ít nhất 90% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy.

c) Giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương) trở lên. Giảng viên sau 7 năm giảng dạy tại trường, có trình độ cao cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương).

d) 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc đã có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.

đ) Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

e) Ít nhất 60% giảng viên giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.

g) 100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên.

h) 100% giảng viên hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định.

i) Xây dựng được đội ngũ giảng viên thỉnh giảng theo quy định.

Điều 8. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện được đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao.

2. Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao. Bảo đảm tỷ lệ lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại trường so với hệ không tập trung ít nhất là 1/3 (1 lớp tập trung/3 lớp không tập trung).

3. Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đạt từ mức khá trở lên.

Điều 9. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

1. Mỗi năm thực hiện được ít nhất 3 đề tài khoa học cấp trường, 5 năm thực hiện được ít nhất 3 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

2. Mỗi năm tổ chức được ít nhất 3 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường, 5 năm tổ chức được ít nhất 3 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường được chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Có báo cáo kiến nghị, đề xuất tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên.

4. Trong 5 năm, xuất bản được ít nhất 5 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng).

5. Xuất bản được tạp chí hoặc bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” ít nhất 3 kỳ/năm. Tạp chí hoặc bản tin bảo đảm nội dung, đúng quy định luật xuất bản.

6. Xây dựng được trang thông tin điện tử của trường, bảo đảm chất lượng, thông tin được cập nhật thường xuyên.

Điều 10. Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương

1. Xây dựng được tiêu chí văn hóa ứng xử trong nhà trường. Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. 100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định.

2. Không có cán bộ, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Tổ chức đảng, đoàn thể của trường hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

4. Hằng năm, trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

5. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường; tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua do cơ quan có thẩm quyền phát động.

Điều 11. Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính

1. Có đủ cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ việc dạy, học và nghiên cứu; đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; bảo đảm tăng quy mô đào tạo tập trung.

2. Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thống, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ) bảo đảm tối thiểu 20.000 m².

3. Công tác lập kế hoạch tài chính, phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường.

Chương III

TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 2

Điều 12. Thể chế, quy định

Bảo đảm yêu cầu như ở mức 1.

Điều 13. Đội ngũ cán bộ, viên chức

1. Đối với lãnh đạo trường

a) Có trình độ chuyên môn tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.

b) Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).

c) Xây dựng được mô hình điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương hoặc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ công nhận. Có mô hình được nhân rộng trong cụm hoặc trong khu vực hoặc trong cả nước.

2. Đối với trường khoa, phó trường khoa

a) Ít nhất 50% lãnh đạo khoa có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.

b) Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).

c) Lãnh đạo khoa chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 1 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên.

d) Chỉ đạo, điều hành khoa đảm nhận được các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được lãnh đạo trường phân công, phân cấp.

đ) Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận.

3. Đối với trường phòng, phó trường phòng

a) Trường phòng hoặc phó trường phòng phụ trách nghiên cứu khoa học của phòng quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.

b) Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ hạng II) trở lên. Trong đó, người đứng đầu giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).

c) Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận.

4. Đối với đội ngũ giảng viên

a) Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm) có tỷ lệ ít nhất 80% tổng số đội ngũ cán bộ, viên chức.

b) 100% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trong đó mỗi khoa có ít nhất 1 tiến sĩ (không kể lãnh đạo khoa).

c) Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của trường, trong đó có ít nhất 1 giảng viên cao cấp.

Điều 14. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

1. Bảo đảm tỷ lệ lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại trường so với hệ không tập trung ít nhất là 1/2 (1 lớp tập trung/2 lớp không tập trung).

2. Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

3. Thực hiện được việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đạt mức tốt.

Điều 15. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

1. Thực hiện ít nhất 5 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

2. Tham mưu tổ chức ít nhất 1 cuộc hội thảo khoa học cấp bộ trở lên.

3. Xuất bản được tạp chí hoặc bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” ít nhất 4 kỳ/năm.

4. Trang thông tin điện tử được cập nhật thường xuyên, có kết nối với một số trang thông tin điện tử của tỉnh và Trung ương.

Điều 16. Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương

1. Có tập thể hoặc cá nhân tiêu biểu, xuất sắc được khen thưởng từ cấp tỉnh và tương đương trở lên trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường Đảng theo quy định.

2. Tổ chức đảng, đoàn thể của trường hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Hằng năm, trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Tham gia có chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua; xây dựng được mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Điều 17. Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính

1. Có cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đại, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

2. Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thống, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ) bảo đảm tối thiểu 30.000 m².

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Chủ trì, hướng dẫn và kiểm tra các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc xây dựng và duy trì kết quả của trường đạt chuẩn.

2. Công nhận hoặc thu hồi quyết định công nhận trường chính trị chuẩn.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ và các tỉnh ủy, thành ủy thành lập hội đồng thẩm định và tiến hành xét, công nhận trường chính trị đạt chuẩn.

4. Định kỳ tổ chức sơ kết công tác xây dựng trường chính trị chuẩn và báo cáo kết quả với Ban Bí thư; đề xuất sửa đổi, bổ sung tiêu chí, quy trình công nhận trường chính trị chuẩn khi cần thiết.

Điều 19. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ

1. Phối hợp với Học viện Chính quốc gia Hồ Chí Minh trong việc hướng dẫn, chỉ đạo các trường thực hiện Quy định về trường chính trị chuẩn.

2. Tham gia thẩm định, xét công nhận trường chính trị đạt chuẩn.

Điều 20. Tỉnh ủy, thành ủy

Chỉ đạo trường chính trị thực hiện tiêu chí, xây dựng, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên theo đúng quy định của Ban Bí thư; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ, giảng viên, học viên; phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan trong việc thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, quy chế quản lý đào tạo, quản lý hoạt động bồi dưỡng và các hoạt động khác do cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 21. Trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tham mưu với tỉnh ủy, thành ủy đề án hoặc kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường để đạt các tiêu chí trường chính trị chuẩn.

2. Tổ chức tự đánh giá và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nếu xét thấy bảo đảm các tiêu chí tại Quy định này.

3. Duy trì, phát huy các kết quả đã đạt được sau khi được công nhận trường chính trị chuẩn.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

(đã ký)

Võ Văn Thưởng

MỘT SỐ NỘI DUNG XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Đồng chí Phạm Văn Tuấn

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Sinh thời, một trong những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trăn trở là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh để Đảng xứng đáng là đạo đức, là văn minh, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân. Tư tưởng xây dựng Đảng về đạo đức được thể hiện rất rõ trong cả tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Người.

**** Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức trong xây dựng Đảng***

Hồ Chí Minh cho rằng đạo đức cách mạng có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”⁽¹⁾. Đối với người cách mạng, Người nhấn mạnh: “Phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”⁽²⁾.

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Người bàn đến vai trò của đạo đức đối với xây dựng Đảng cầm quyền, với 12 điều tư cách của một đảng chân chính cách mạng, trong đó chủ yếu là về lĩnh vực xây dựng Đảng về đạo đức và tiêu chí đầu tiên đã thể hiện rõ điều này “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”⁽³⁾. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng xác định tư cách của một người cán bộ, đảng viên chân chính, Người chỉ rõ: “Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở thành người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm. Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm”⁽⁴⁾. Đạo đức trở thành nhân tố quyết định sự thành bại của mọi công việc vì liên quan đến uy tín, danh dự của Đảng.

**** Quan niệm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng Đảng về đạo đức***

Xây dựng Đảng về đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong đường lối của Đảng. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ

nghĩa xã hội để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đó là điểm căn cốt, là vấn đề then chốt. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải gắn với lợi ích, nhu cầu nhân dân, phù hợp với tình hình thực tế là yêu cầu đối với xây dựng đường lối của Đảng - đó chính là đạo đức. Mỗi cán bộ đảng viên phải nêu cao tinh thần tận trung với nước, tận hiếu với dân, phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.

Người rất chú trọng giáo dục cho mỗi cán bộ, đảng viên về các chuẩn mực đạo đức: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”⁽⁵⁾. Không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh lại yêu cầu Đảng cầm quyền cần thực hiện những yêu cầu rất cụ thể, bằng việc nhấn mạnh chữ “Thật” nhiều như vậy. “Thật” đối lập với giả dối, với qua loa, nửa vời, phù phiếm, nó lay động lương tâm, lương tri của mỗi cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh còn nhắc nhở cán bộ là một người phải Cần, Kiệm, Liêm nhưng còn phải Chính mới là người hoàn toàn. Người cán bộ cần có đạo đức vì tâm có trong thì trí mới sáng. Nếu có đạo đức, cán bộ sẽ từ cái đức vươn tới cái trí để đạt tới sự hoàn thiện về nhân cách. Với Hồ Chí Minh, phẩm chất đạo đức, tư cách của người cán bộ, đảng viên là nhân tố đóng vai trò quyết định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đảng thực hiện quyền lãnh đạo thông qua sự gương mẫu của đội ngũ đảng viên - đây cũng là một nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đạo đức trong Đảng là đạo đức hành động, hướng vào phục vụ Nhân dân. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng phải thường xuyên có mối liên hệ trực tiếp với Nhân dân ở tất cả các cấp, các ngành; đảng viên phải có lòng tin vào quần chúng. Mục tiêu lãnh đạo của Đảng chính là đem lại những lợi ích thiết thực cho Nhân dân. Để tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên đi sâu vào đời sống quần chúng Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân nhưng tuyệt đối không được theo đuôi quần chúng.

Muốn xây dựng đạo đức trong tổ chức và kỷ luật của Đảng thì: “Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo”⁽⁶⁾, đồng thời phải tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài Đảng, phải giữ kỷ luật nghiêm minh từ trên xuống dưới. Phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

**** Quan niệm của Hồ Chí Minh về các nguyên tắc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức trong Đảng***

Một là, tu dưỡng đạo đức hằng ngày, suốt đời. “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁽⁷⁾. Đã tham gia vào đời sống cộng đồng thì mỗi người không phải là thần thánh, ít nhiều đều mắc sai lầm, khuyết điểm. Nhất là cán bộ đều có ít nhiều chức quyền, nếu không tự giáo dục mình đi theo hướng thiện thì dễ

roi vào hướng ác. Do đó phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức bền bỉ suốt đời.

Hai là, nói đi đôi với làm, gương mẫu đạo đức. Từ mỗi tổ chức đảng cho đến mỗi cán bộ, đảng viên đều cần đã nói thì phải làm. “Nói cái gì phải cho tin, nói và làm cho nhất trí”⁽⁸⁾.

Ba là, xây đi đôi với chống. Xây cái tốt, nâng cao đạo đức cách mạng. Chống cái xấu, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. “Xây tốt thì chống mới tốt. Chống tốt thì xây mới tốt”⁽⁹⁾. Đề xây và chống cần phát huy vai trò của dư luận xã hội, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, biểu dương cái tốt, phê phán cái xấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đề biểu dương người tốt, việc tốt. Người cho rằng “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁽¹⁰⁾. Trong đó nguyên tắc tự phê bình và phê bình là một giải pháp quan trọng cần phải được tiến hành thường xuyên liên tục.

2. Những yếu tố tác động đến xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, chủ nghĩa yêu nước truyền thống và tinh hoa văn hóa dân tộc là yếu tố tích cực thúc đẩy công tác xây dựng Đảng về đạo đức

Đề cao các giá trị đạo đức là đặc điểm nổi bật trong đời sống xã hội của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII chỉ rõ: “Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. “Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”⁽¹¹⁾.

Những giá trị cốt lõi đó đã được những thế hệ nối tiếp nhau bồi đắp, kế thừa hình thành đạo đức của người cán bộ, đảng viên trong tình hình hiện nay.

Trong các giá trị đó, nổi bật nhất là tinh thần yêu nước, thương dân. Đây là yếu tố chủ đạo xuyên suốt lịch sử tư tưởng văn hóa dân tộc, tác động lớn đối với việc xác lập các giá trị văn hóa chính trị và xây dựng Đảng về đạo đức. Tinh thần yêu nước, thương dân còn là “nguyên tắc đạo đức và chính trị, một tình cảm xã hội mà nội dung của nó là lòng trung thành với Tổ quốc, là lòng tự hào về quá khứ và hiện tại của Tổ quốc, ý chí bảo vệ những lợi ích của Tổ quốc”⁽¹²⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn mỗi cán bộ cách mạng phải thực sự có phẩm chất đạo đức “Trung với nước, hiếu với dân”, thảo kính với Nhân dân, việc gì có lợi cho dân ta phải dốc sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Do vậy mà chúng ta có thể thấy rằng, chủ nghĩa yêu nước, thương dân là giá trị đạo đức cao quý nhất của dân tộc Việt Nam, là chuẩn mực đạo đức cao nhất, đứng đầu trong thang bậc giá trị truyền thống, là hàng số trong mỗi người Việt Nam, “là tiêu điểm của mọi tiêu điểm” và là sức mạnh nội sinh quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

Hai là, nhận thức của cán bộ, đảng viên về đạo đức cách mạng và yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng

Nhận thức là cơ sở của hành động, muốn hành động đúng đắn thì nhận thức phải đầy đủ. Trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên ảnh hưởng trực tiếp đến việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Nhận thức về đạo đức cách mạng gồm nhiều phương diện, từ nhận thức căn bản, đầy đủ về các chuẩn mực đạo đức cách mạng mà người cán bộ, đảng

viên cần phải có; nhận thức về các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc; nhận thức về vai trò của đạo đức cách mạng trong thực thi công vụ; vai trò của xây dựng Đảng về đạo đức đối với sự nghiệp cách mạng, các cách thức, biện pháp để rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng và các hậu quả của việc không quan tâm tu dưỡng, rèn luyện, xây dựng đạo đức cách mạng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng... Người cán bộ, đảng viên được giáo dục, có nhận thức đầy đủ, rõ ràng về các chuẩn mực, giá trị đạo đức cách mạng sẽ biết phân biệt được đúng - sai, hay - dở, tốt - xấu, từ đó có hành động phù hợp, đúng đắn; tự tạo ra sức đề kháng để chống lại từ bên trong sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của bản thân và tổ chức Đảng.

Ba là, yếu tố thể chế và năng lực kiểm tra, giám sát của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

Hệ thống các chính sách, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chặt chẽ, khoa học, đầy đủ; đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra có năng lực, đạo đức, tinh thông nghiệp vụ; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, trách nhiệm có tác động hiệu quả, thiết thực đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Quá trình kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện, ngăn chặn, “xử lý nghiêm mọi cán bộ, đảng viên vi phạm về trách nhiệm, phẩm chất, đạo đức, lối sống” và “kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên”, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Đây là yếu tố quan trọng để cán bộ, đảng viên không thể và không dám vi phạm các tiêu chuẩn về đạo đức, vi phạm quy định của Đảng, vi phạm pháp luật.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”, “kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”.

Bốn là, tác động mặt trái của cơ chế thị trường ảnh hưởng tới công tác xây dựng Đảng về đạo đức

Trong bối cảnh hiện nay, bên cạnh những cơ hội, thuận lợi, nước ta còn chịu sự tác động không nhỏ từ mặt trái của cơ chế thị trường, những tiêu cực nảy sinh trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Thực tế này đã được Đảng ta nhận định: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”⁽¹³⁾.

Trước ảnh hưởng mặt trái của cơ chế thị trường, “bản thân những cán bộ, đảng viên đã thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân”⁽¹⁴⁾. Điều đó dẫn đến một hệ lụy vô cùng nguy hại: “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nó ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức mà Đảng ta đang nỗ lực thực hiện ngày hôm nay.

Năm là, chủ nghĩa cá nhân là căn bệnh nguy hiểm cho mọi sự tha hóa về đạo đức cách mạng của Đảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở chúng ta: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁽¹⁵⁾.

Bác đã chỉ ra 10 loại bệnh nảy sinh từ chủ nghĩa cá nhân cần nhận diện và phòng chống: bệnh quan liêu; bệnh tham lam; bệnh lười biếng; bệnh kiêu ngạo; bệnh hiếu danh; bệnh “hữu danh vô thực”; bệnh cận thị (biểu hiện là chỉ để ý đến cái nhỏ, vụn vặt, không thấy cái lớn, cái quan trọng); bệnh tị nạnh; bệnh xu nịnh, a dua và bệnh kéo bè, kéo cánh. Người coi chủ nghĩa cá nhân là “địch nội xâm” và “địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”⁽¹⁶⁾.

Hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân mang lại là vô cùng nguy hại, bởi đó là nguồn gốc sâu xa dẫn tới sự suy thoái, biến chất, làm giảm năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong Đảng. Nó là một trở lực lớn nhất và “cố hữu” đối với công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

Sáu là, mặt trái của công nghệ thông tin, Internet, mạng xã hội mà chưa có giải pháp hữu hiệu để xử lý

Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, nhất là những thông tin xấu, độc lan tràn trên mạng xã hội từng giờ, từng ngày đầu độc, làm ô nhiễm môi trường tinh thần, đạo đức và thẩm lậu rất tinh vi tới sự chệch hướng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, phá hoại không chỉ đạo đức và xây dựng đạo đức trong Đảng mà còn làm suy yếu chính trị, gây chia rẽ mất đoàn kết, phân ly tư tưởng, niềm tin trong Đảng, làm suy giảm sinh khí, bản lĩnh chính trị ngay trong Đảng và trong cán bộ, đảng viên.

Việc xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay của Đảng ta không chỉ chịu những tác động tiêu cực, những khó khăn tác động từ bên ngoài mà nan giải hơn, bắt nguồn từ những khó khăn, trở ngại ngay trong đời sống nội tại hoạt động của Đảng và trong đời sống xã hội nói chung. Đó là: Những biểu hiện mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội vụ lợi và suy đồi; các tiêu cực trong bộ máy từ việc đánh giá cán bộ, sử dụng cán bộ, lợi dụng quy trình, dùng quy trình làm lá chắn để hợp thức hóa việc sử dụng người nhà, thân quen, làm gay gắt thêm tình trạng “chạy chức, chạy quyền”,... đã làm suy giảm trầm trọng niềm tin của nhân dân, gây phản cảm, bất bình trong xã hội.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, phải nghiên cứu, hoàn thiện các giá trị, chuẩn mực đạo đức cách mạng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã xác định: “Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày”⁽¹⁷⁾.

Trên cơ sở các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc, các giá trị đạo đức cách mạng theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, kế thừa tinh hoa văn hóa của nhân loại, đặt trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của thời đại, Đảng cần nghiên cứu, cụ thể hóa, tiêu chuẩn hóa các giá trị đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên nói chung, đối với các đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý; thống nhất nội dung xây dựng Đảng về đạo đức đối với đảng

viên và tổ chức cơ sở Đảng. Căn cứ vào đó, các cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng cam kết thực hiện và định kỳ nghiêm túc kiểm điểm theo các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng.

Hai là, thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và rèn luyện đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng

Trên cơ sở nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, cần xây dựng các chuyên đề, tài liệu bồi dưỡng công tác xây dựng Đảng về đạo đức đi kèm với kế hoạch học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên. Việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên cần được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng, trong các kỳ sinh hoạt của chi bộ.

Công tác giáo dục đạo đức cách mạng cần coi trọng “phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu”, nghĩa là phải phát huy vai trò gương mẫu, nói đi đôi với làm của từng cấp ủy viên và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng trong xây dựng, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, phương pháp, tác phong, văn hóa Đảng. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải gương mẫu về đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên noi theo; đảng viên đi trước phải làm gương cho đảng viên đi sau; đảng viên giữ cương vị, chức vụ càng cao thì phải càng gương mẫu, trong sáng về đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã dạy: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁽¹⁸⁾. Thực tế cũng cho thấy, cấp ủy, tổ chức đảng nào mà người đứng đầu luôn gương mẫu, chí công vô tư, trong sáng về đạo đức thì cấp ủy, tổ chức đảng đó luôn đoàn kết, thống

nhất, phát huy cao độ năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Ngoài ra, cần khuyến khích cán bộ, đảng viên xây dựng và thực hiện kế hoạch tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của bản thân với các nội dung chủ yếu như: kiên định thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Hằng năm, cán bộ, đảng viên phải có cam kết, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Các cấp ủy, tổ chức đảng (đặc biệt là ở cơ sở) cần thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên ở cơ quan, đơn vị, địa phương; xây dựng và thực hiện tốt các quy định về phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong, lề lối làm việc.

Ba là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy định của Đảng, hệ thống pháp luật của Nhà nước

Từ thực tế công tác xây dựng Đảng hiện nay, rút kinh nghiệm từ những “lỗ hổng”, “khe hở” trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước dẫn đến sự lợi dụng, lạm dụng, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong thời gian vừa qua, Đảng, Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp, quy định, pháp luật; chủ động xây dựng cơ chế phòng ngừa, răn đe, ngăn chặn có hiệu quả quan hệ “lợi ích nhóm”, “tư duy nhiệm kỳ”; thực hiện cải cách hành chính, tư pháp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Bốn là, đẩy mạnh đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, lãng phí

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng nêu rõ: “Nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện”, “sa vào cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân”. Biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống là: “cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình”; “tham ô, tham nhũng”, “lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực”...

Để tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức, cần phải đẩy mạnh đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, lãng phí. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng; đồng thời, là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài; phòng, chống tham nhũng, lãng phí với yêu cầu chủ động phòng ngừa; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và các hoạt động bao che, dung túng, tiếp tay hoặc can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí...

Năm là, nâng cao vai trò, năng lực giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân

Gắn bó mật thiết với Nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng là chủ trương trước sau như một của Đảng ta; đồng thời, là nguyên tắc trong hoạt động của Đảng. Để phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng Đảng, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, được cụ thể hóa thành luật, làm cơ sở pháp lý thực hiện; trong đó, quy

định Nhân dân thực hiện quyền giám sát gián tiếp (thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội) và giám sát trực tiếp (thông qua phản ánh, kiến nghị đến cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan có thẩm quyền) về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương, thực thi công vụ, chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ công dân... của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp. Để thực hiện tốt, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho quần chúng nhân dân về quyền được tham gia xây dựng Đảng, chính quyền các cấp ngày càng trong sạch, vững mạnh; tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về phát huy dân chủ. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, có nhiều hình thức để Nhân dân thực hiện quyền giám sát cán bộ, đảng viên thực hiện tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống; làm tốt công tác khen thưởng, động viên đối với những người dân kịp thời phát hiện, tố cáo các sai phạm của cán bộ, đảng viên; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, trù dập người phát hiện, tố cáo.

Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân, hoàn thành những trọng trách của mình trước nhân dân và dân tộc. Xây dựng Đảng về đạo đức là trách nhiệm của toàn Đảng từ Trung ương đến cơ sở, là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Do đó, mỗi

cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng./.

(1), (3), (4), (8) (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 5, tr.292, 289, 291, 260, 278.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 11, tr.601.

(5), (14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 15, tr.622, 672

(6) Trích theo: <https://tulieuvankien.dangcongsa.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ho-chi-minh/nghien-cuu-hoc-tap-tu-tuong/chu-tich-ho-chi-minh-noi-ve-noi-dung-va-phuong-phap-lanh-dao-cua-dang-2228>

(7) Hồ Chí Minh: *Đạo đức cách mạng*, Tạp chí học tập, số 12, năm 1958. tr.260

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 14, tr.457

(10), (18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 1, tr.284

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tr.57.

(12) Lương Gia Ban: *Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.11- 12

(13) Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.43.

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ Tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 24 - 25.

(17) Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Tập 1, Hà Nội, 2021, tr.184.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Tập 1, Hà Nội, 2021, tr. 184.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, *Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tr. 57.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 24-25.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2016, tr.43.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 1,5,11,14,15.

6. *Tư tưởng Hồ Chí Minh một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017, tr. 196-197.

7. Bùi Thế Đức: “*Giáo dục liêm, chính với cán bộ, đảng viên - việc cần thiết giữ đảng trường tồn*”, Tạp chí Tuyên giáo, (6), 2008, tr.7-9.

8. Lương Gia Ban: *Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, tr.11- 12.

9. GS, TS. Hoàng Chí Bảo: *Những yếu tố tác động đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay*.

<http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail.asp?newsID=71791&cat1id=8&Cat2id>.

10. Trọng Nhung: *Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*. <http://dukccq.daknong.gov.vn/cong-tac-tuyen-giao/nhiem-vu-giai-phap-xay-dung-dang-vung-manh-ve-dao-duc-theo-tu-tuong-ho-chi-minh-trong-giai-doan-hien-nay.html>.

GÓP PHẦN PHÊ PHÁN BÁC BỎ LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC VỀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ TOÀN THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

ThS. Nguyễn Thị Hồng Thuận

Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Như chúng ta đã biết, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân (GCCN) là phạm trù cơ bản, học thuyết mang ý nghĩa quan trọng hàng đầu của chủ nghĩa xã hội khoa học. Một trong những cống hiến vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin là phát hiện ra sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của GCCN mà công đầu thuộc về C. Mác. Những quan niệm về giai cấp vô sản (hay GCCN) và sứ mệnh, vai trò lịch sử của giai cấp này đã được minh chứng, luận giải làm rõ trong tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết chung năm 1848. Các ông đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau: giai cấp vô sản, giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình, lao động làm thuê ở thế kỷ XIX, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp... như những cụm từ đồng nghĩa để biểu thị một khái niệm về GCCN - “con đẻ” của nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa (TBCN), giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất (LLSX) tiên tiến, phương thức sản xuất hiện đại vào bậc nhất của nhân loại.

Các ông cũng chỉ rõ hai thuộc tính cơ bản của GCCN: *Thứ nhất*, họ là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao; *Thứ hai*, đó là những người lao động không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Thuộc

tính thứ hai này nói lên một trong những đặc trưng cơ bản của GCCN dưới chế độ tư bản chủ nghĩa nên C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n còn gọi GCCN là giai cấp vô sản.

Khi đi sâu phân tích những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản (CNTB) và trong bản thân phương thức sản xuất TBCN, C. Mác đã không chỉ nêu rõ đặc điểm, tính chất và hai thuộc tính cơ bản của GCCN mà còn chỉ rõ sứ mệnh lịch sử to lớn của giai cấp này là: xóa bỏ chế độ TBCN, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng GCCN, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa (XHHCN) mà cộng sản chủ nghĩa (CSCN) là giai đoạn phát triển cao và hoàn thiện nhất của hình thái kinh tế xã hội này. Những nội dung trong sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của GCCN được từng bước hiện thực hóa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng. Lực lượng thực hiện sứ mệnh đó là đông đảo các giai cấp, tầng lớp lao động, nhưng GCCN là nòng cốt, đi đầu thông qua vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản - đội tiên phong của GCCN.

Vậy tại sao chỉ có GCCN mới là giai cấp nắm giữ sứ mệnh lịch sử đó? C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n đã nhận định: “*Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản*

thân nền đại công nghiệp”⁽¹⁾. Khi nền đại công nghiệp TBCN ngày càng phát triển thì tính chất và trình độ bóc lột của CNTB ngày càng gia tăng. Không ai khác, chính GCCN phải luôn chủ động và mạnh mẽ trong việc đấu tranh đòi về mình những lợi quyền chính đáng. Đúng như Ph. Ăng-ghe-n đã khẳng định: *“Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại”*⁽²⁾. V.I. Lênin cũng chỉ rõ: *Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa*”⁽³⁾. Ở các nước TBCN, GCCN là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước XHCN, GCCN là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu, là giai cấp lãnh đạo xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Chính thực tiễn lịch sử nhân loại đã chứng minh tính đúng đắn của những nhận định đó; đồng thời, càng giúp khẳng định giá trị vĩnh hằng của học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của GCCN. Tất nhiên, lý luận này sẽ cần phải được hiểu và vận dụng một cách linh hoạt; hoặc phải tiếp tục được bổ sung, phát triển bởi thực tiễn ngày nay.

Để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng ta, các thế lực thù địch, phản động sử dụng mọi âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc hòng phủ nhận bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của GCCN. Chúng cho rằng: C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n và V.I.Lênin vốn là những nhà trí thức, không phải là công nhân thực thụ lại đi sáng lập ra hệ tư tưởng của GCCN và chủ nghĩa này hình thành gần hai thế kỷ nên “không còn phù hợp

với thời đại hiện nay”. Chúng cố tình đưa ra những luận điệu sai trái, lệch lạc theo suy diễn chủ quan như: “Thời đại ngày nay là thời đại của khoa học công nghệ, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của nền kinh tế tri thức cho nên GCCN không còn sứ mệnh lịch sử toàn thế giới mà sứ mệnh đó sẽ do tầng lớp trí thức đảm nhiệm”; hoặc cho rằng “ở Việt Nam hiện nay giai cấp nông dân vẫn chiếm đại đa số nên nắm giữ sứ mệnh lịch sử ở nước ta phải là giai cấp nông dân”. Bên cạnh đó, chúng đã dẫn chứng nhiều vấn đề thực tiễn về sự hạn chế, suy giảm lập trường tư tưởng chính trị, về sự phai nhạt lý tưởng của Đảng, về đời sống khó khăn cùng các vấn đề tiêu cực khác trong lao động sản xuất và sinh hoạt của công nhân trên thế giới cũng như ở Việt Nam để cuối cùng đi đến phủ nhận, bác bỏ vai trò nắm giữ và khả năng thực thi sứ mệnh lịch sử của giai cấp này. Sự ngang nhiên và vô lý của các phần tử chống phá thì ai cũng biết, nhưng để có đủ lý lẽ để phản bác cái sai, bênh vực bảo vệ cái đúng đối với nguyên lý lý luận này, đồng thời góp phần bảo vệ giá trị học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin là điều không hề đơn giản.

Trước những luận điệu xuyên tạc như trên, chúng ta cần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn để góp phần bảo vệ học thuyết về sứ mệnh lịch sử của GCCN. Mặc dù C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n và V.I.Lênin vốn là những nhà trí thức sống dưới chế độ TBCN, không phải là công nhân thực thụ nhưng các ông lại là những con người vừa tài năng vừa đạo đức. Các ông đã nhìn thấu và đồng cảm với nỗi cơ cực của giai cấp vô sản và nhân dân lao động, càng không thể bàng quan trước sự bất công vô nhân đạo của giai cấp bóc lột. Khát vọng giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc,

giải phóng con người đã thôi thúc và hướng các nhà lý luận đi đến một điểm chung khi họ cùng khẳng định giai cấp vô sản - GCCN chính là giai cấp cách mạng, là giai cấp tiên phong, đi đầu trong cuộc đấu tranh giành chính quyền (quyền làm chủ) về tay giai cấp mình và nhân dân lao động, đồng thời cũng là giai cấp lãnh đạo quá trình xây dựng chế độ xã hội mới - XHCN. Và như thế thì mặc dù là những người trí thức tiểu tư sản hay tư sản nhưng các ông đã đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, đồng cảm với giai cấp lao động để nói lên tiếng nói bênh vực họ, đấu biết làm như vậy họ sẽ gặp phải rất nhiều gian nan, vất vả, thiếu thốn và thậm chí là phải hy sinh cả lợi ích và tính mạng. Từ những câu chuyện cảm động về thân thể, sự nghiệp, sự nỗ lực bảo vệ lẽ phải và đạo lý của Mác, Ăng-ghen, Lênin để đi đến khẳng định: không nhất thiết cứ phải là người thuộc giai cấp vô sản - GCCN mới có tư cách sáng lập ra hệ tư tưởng của GCCN. Còn việc cho rằng “lý luận này chỉ đúng với các nước Châu Âu trong những thế kỷ trước” chỉ là nói lấy được, bởi vì các nhà lý luận đã chỉ ra, cho dù đó là phương Tây hay phương Đông, châu Âu hay châu Á thì theo quy luật, ở đâu có sự áp bức bóc lột đối với người lao động thì ở đó có đấu tranh chống lại; ở đâu có tiêu cực, tệ nạn thì ở đó có sự lên án, phê phán, loại bỏ. Không thể dùng sự khác biệt về địa lý, không gian, thời gian để nói lý luận này đúng hay không đúng ở nơi này hay nơi khác.

Ở nước ta, GCCN và nhân dân lao động phải thực hiện một cuộc cách mạng với hai giai đoạn là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN. Sứ mệnh lịch sử của GCCN là phải lãnh đạo thành công cuộc cách mạng đó thông qua đội tiên phong của mình

là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu như ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tập trung vào việc đấu tranh giành chính quyền, thiết lập nền chuyên chính dân chủ nhân dân thì sang giai đoạn cách mạng XHCN, GCCN từng bước lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng thành công CNXH. Đó là một chế độ xã hội khác về chất so với chế độ có áp bức giai cấp trong lịch sử; là xã hội không có người bóc lột người, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, bất công. Chính lịch sử Việt Nam cũng đã chứng minh: tất cả các giai - tầng lao động ở nước ta đều rất nhiệt tình đấu tranh đòi độc lập, tự do, chống áp bức bóc lột, song hầu hết lâm vào thất bại. Chỉ đến khi GCCN cùng với Đảng tiên phong chính thức bước lên vũ đài chính trị thì cách mạng mới thành công. Thực tiễn đó đã góp phần trả lời cho việc tại sao GCCN xứng đáng là giai cấp nắm giữ sứ mệnh lịch sử mà không phải là giai cấp khác.

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để tiến hành thành công sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, hưởng ứng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, GCCN Việt Nam phải tiếp tục củng cố và khẳng định vị thế của mình. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã nêu khái niệm về GCCN Việt Nam như sau: “*Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp*”⁽⁴⁾.

Như vậy, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, của sự phát triển công nghiệp hiện đại và yêu cầu của nền kinh tế tri thức thì khoa học đã ngày càng trở thành “lực lượng sản xuất trực tiếp” như dự báo thiên tài của C. Mác. Không ai khác, chính GCCN trong LLSX đó sẽ ngày càng phải được trí tuệ hóa. Một bộ phận ngày càng đông đảo trong GCCN sẽ tăng cường sử dụng trí tuệ cá nhân trong sản xuất công nghiệp chứ không thuần túy sử dụng cơ bắp vận hành máy móc như công nhân trong sản xuất công nghiệp ở các thế kỷ trước. GCCN Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế ấy. Về sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam, Đảng ta khẳng định: *Giai cấp công nhân Việt Nam là “giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”*⁽⁵⁾.

Bên cạnh đó, để chứng minh GCCN ngày nay vẫn tiếp tục nắm giữ và thực thi sứ mệnh lịch sử toàn thế giới chứ không phải là nông dân hay trí thức, cần dùng chính lý luận Mác - Lênin về đặc điểm, tính chất và các điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan để lý giải tại sao trong tất cả các giai cấp, tầng lớp lao động, chỉ có GCCN là giai cấp tiên phong nhất, triệt để cách mạng nhất, xứng đáng là giai cấp nắm giữ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới nhất. Bởi lẽ, mặc dù thời đại ngày nay là thời đại của khoa học và công

nghệ, của nền kinh tế tri thức nhưng cùng với quá trình phát triển xã hội, GCCN cũng tiếp tục được “trí thức hóa”, được nâng tầm trí tuệ để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu phát triển của xã hội. Và cho dù ở Việt Nam nông nghiệp và nông dân có chiếm tỷ lệ lớn thì không vì thế mà giai cấp nông dân thay thế GCCN trong việc nắm giữ sứ mệnh cao cả ấy. Vì kể cả ở trên thế giới hay ở Việt Nam thì chưa khi nào phương thức sản xuất của nông dân hay trí thức được coi là phương thức sản xuất tiên bộ nhất của lịch sử. Về vấn đề này, cách đây hơn một thế kỷ các nhà lý luận mác-xít đã khẳng định chỉ có phương thức sản xuất công nghiệp mà giai cấp công nhân là chủ thể nắm giữ phương thức đó mới đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại nhất của nhân loại. Hơn nữa, GCCN lại có Đảng Cộng sản - lãnh tụ chính trị, đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu - lãnh đạo quá trình đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất. Bên cạnh đó, GCCN còn có hệ tư tưởng riêng - Chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách là một hệ tư tưởng tiên bộ, khoa học và cách mạng. Đây là những yếu tố mà chúng ta không thấy có hoặc có nhưng không hiện hữu đầy đủ ở các giai - tầng lao động khác. Và cũng chính những yếu tố này đã giúp tạo nên một giai cấp có tính tiên phong, tính kỷ luật cao, tính cách mạng triệt để, tính dân tộc và tính quốc tế. Đây là những tính chất ưu việt của một giai cấp cách mạng, được lịch sử tin cậy gửi trao sứ mệnh lịch sử toàn thế giới. Do đó, mọi luận điệu cho rằng Đảng Cộng sản không còn đủ sức lãnh đạo GCCN hoặc GCCN không còn đủ tư cách nắm giữ và thực thi sứ mệnh lịch sử toàn thế giới... đều là phi lý, không thể chấp nhận được.

Đối với GCCN Việt Nam, việc giữ vững và phát huy vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp này thông qua sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam càng được coi trọng. Mặc dù chỉ với khoảng hơn 15 triệu người (chiếm khoảng 26% tổng số lao động xã hội và 16% dân số cả nước) nhưng hàng năm, công nhân cùng với công nghiệp đã đóng góp cho đất nước hơn 60% tổng sản phẩm xã hội và 70% ngân sách Nhà nước. GCCN Việt Nam và lĩnh vực sản xuất công nghiệp đang nắm giữ những cơ sở vật chất quan trọng nhất và có tính quyết định tới phương hướng phát triển của nền kinh tế - xã hội đất nước. Quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa và hội nhập kinh tế quốc tế không thể tách rời việc phát huy vai trò, sứ mệnh của GCCN Việt Nam. Đặc biệt, để đạt được mục tiêu của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra là phấn đấu đến năm 2045 “trở thành nước phát triển, thu nhập cao” thì càng cần có sự nỗ lực quyết liệt của tất cả các giai cấp, tầng lớp lao động mà đi đầu là GCCN cùng với sản xuất công nghiệp. Thực tiễn cho thấy, mặc dù vẫn còn những hạn chế, yếu kém nhất định trong quá trình thực thi sứ mệnh lịch sử, song với tất cả những đóng góp của GCCN từ trước đến nay cho thấy GCCN Việt Nam và lĩnh vực sản xuất công nghiệp vẫn xứng đáng là lực lượng đi đầu, tiên phong trong quá trình xây dựng đất nước theo định hướng XHCN; là chủ thể của tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế và gia nhập vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Mặc dù nhân loại ngày nay đã và đang có nhiều thay đổi so với thời kỳ Mác-Ăngghen song những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của GCCN

vẫn khẳng định sức sống vĩnh hằng. Ở Việt Nam hiện nay, GCCN đang ngày càng lớn mạnh và khẳng định được vai trò của mình trong công cuộc đổi mới đất nước. Để có thể tiếp tục nắm giữ và thực thi tốt sứ mệnh lịch sử, GCCN phải tiếp tục thể hiện và khẳng định mình là lực lượng tiên phong, đi đầu cùng với các giai cấp, bộ phận lao động khác. Bên cạnh đó, phải không ngừng “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”⁽⁶⁾ đúng như mục tiêu tổng quát mà Đảng ta đã đề ra trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII./.

(1) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, Tập 4 tr.610;

(2) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, Tập 2, tr.393;

(3) V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, Hà Nội, 1980, Tập 23, tr.1;

(4) (5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương, Khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2008, tr.43,44.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập 1, tr.111 - 112.

THÁI BÌNH ĐẨY MẠNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THEO TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ThS. Lại Thị Giang

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Năm 1952, nhân dịp có phong trào sản xuất và tiết kiệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về “Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu”. Trong bài nói Người có nêu: “Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhỏ cỏ cho sạch, nghĩa là phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Nếu không thì nó sẽ tổn hại đến công việc của ta”⁽¹⁾. Tư tưởng đó của Người đã được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong toàn hệ thống chính trị ở tỉnh Thái Bình quán triệt sâu sắc và nghiêm túc tổ chức thực hiện.

Trong bài nói đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về vấn đề tham ô - là một trong những biểu hiện của tham nhũng. Không cần phân tích, cắt nghĩa phức tạp, theo Người, tham ô, tham nhũng đơn giản là ăn cắp, là trộm cướp. Người chỉ rõ các khía cạnh cụ thể: “tham ô đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân, tiêu ít mà khai nhiều; đứng về phía người dân tham ô là ăn cắp của dân, khai gian tập thể”. Người chỉ rõ nguyên nhân của căn bệnh trên là xuất phát từ bệnh quan liêu. Vì sự buông lỏng quản lý của cấp trên đối với cấp dưới nên cấp dưới không sát công việc hoặc cấp trên chỉ giao việc mà không kiểm tra đến nơi đến chốn... Chính vì vậy, cán bộ, công chức có điều kiện để tham ô, tham nhũng. Do vậy, để đẩy lùi bệnh tham nhũng thì phải “tẩy sạch bệnh quan liêu”.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để đẩy được bệnh tham ô, tham nhũng và quan liêu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một số giải pháp: Trước hết, cần phải thực hiện nhanh chóng, bởi việc này “cần kíp như việc đánh giặc”. Bên cạnh đó, cần phải có kế hoạch để thực hiện. Người cũng nhấn mạnh vai trò của người lãnh đạo. Người lãnh đạo mà không làm, không dám làm thì dù có lập kế hoạch, có tổ chức cũng chỉ là hình thức, là thực hiện trên giấy tờ. Quan trọng hơn, đó là vai trò của quần chúng. Theo Người, quần chúng không chỉ có nhân dân, mà còn là toàn thể cán bộ, công chức, người lao động... Quần chúng hiểu, tham gia thì mới chắc thành công. Đây là nhiệm vụ quan trọng của quần chúng. Không có gì là không thể nếu chúng ta đồng lòng, đồng sức.

Trên quan điểm và tinh thần của chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của tỉnh Thái Bình trong thời gian qua được thực hiện thường xuyên và đạt được nhiều kết quả. Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2021.

Năm 2020, “Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành 15 văn bản chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng (Kế hoạch số: 232-KH/TU ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc sơ kết 05 năm

thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch số 257-KH/TU ngày 28/7/2020 về tổ chức rà soát các cuộc thanh tra về kinh tế - xã hội và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra bộ, ngành, Kiểm toán Nhà nước tại các địa phương, đơn vị năm 2019...). Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 16 văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng (Kế hoạch số: 07/KH-UBND ngày 22/01/2020 kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020, Chỉ thị số 5049/CT-UBND ngày 27/10/2020 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc...). Các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ đã ban hành 47 văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, xây dựng kế hoạch phòng chống tham nhũng lãng phí năm 2020.”⁽²⁾

Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật như: tổ chức các hội nghị tập huấn; phát hành tài liệu về phòng chống tham nhũng; tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình, Đài Truyền thanh các huyện, thành phố, hệ thống truyền thanh ở cơ sở... Nội dung tuyên truyền Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;... Năm 2020, toàn tỉnh đã tổ chức “1.426 cuộc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với 79.332 người tham dự. Thông qua hoạt động tuyên truyền,

các cán bộ, công chức, viên chức... nâng cao ý thức trách nhiệm đối với công tác phòng chống tham nhũng.”⁽³⁾

Năm 2020, tỉnh Thái Bình đã thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng. Cụ thể:

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương nghiêm túc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhất là trong công tác tổ chức cán bộ, lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thu, chi ngân sách nhà nước và cải cách thủ tục hành chính.

Về xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Trên cơ sở biên chế giao hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí hành chính, sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị ngay từ đầu năm giúp các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng kinh phí. Đối với các cơ quan, đơn vị tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, biên chế và tài chính thực hiện quản lý chi tiêu theo đúng quy định. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về chế độ, định mức tiêu chuẩn được chú trọng. Năm 2020, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai 12 cuộc kiểm tra chưa phát hiện cơ quan, tổ chức, đơn vị nào vi phạm.

Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát tài sản và thu nhập. Việc kê khai tài sản được thực hiện nghiêm túc đối với các trường hợp được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức vụ lãnh đạo đoàn thể, chính quyền. Chưa có trường hợp nào phải xác minh tài sản, thu nhập.

Về thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm các quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở các quy định của Chính phủ, bộ, ngành và của tỉnh. Các đơn vị,

địa phương đã tổ chức quán triệt, triển khai đến cán bộ, công chức trong đơn vị xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế làm việc, quy chế văn hóa công sở... Song song với đó là tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Năm 2020, Sở Nội vụ đã tiến hành 02 cuộc thanh tra về kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong đó có nội dung thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Năm 2020, “thực hiện chuyển đổi 150 vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; số người thuộc đối tượng chuyển đổi: 309 người; số người chưa đến hạn chuyển đổi: 179 người; số người đến hạn chuyển đổi: 130 người; số người đã thực hiện chuyển đổi: 74 người; số người chưa chuyển đổi: 65 người.”⁽⁴⁾

Về phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng: năm 2020, ngành Thanh tra tỉnh Thái Bình đã triển khai “31 cuộc thanh tra hành chính và 156 cuộc thanh tra chuyên ngành tại 687 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý sai phạm kinh tế: 36.246 triệu đồng; quyết định xử phạt vi phạm hành chính và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: 4.120 triệu đồng.”⁽⁵⁾

Năm 2020, cơ quan điều tra đã khởi tố mới 04 vụ/10 bị can về tội phạm tham nhũng (giảm 03 vụ/08 bị can so với năm 2019). Tòa án nhân dân hai cấp đã xét xử 06 vụ/13 bị can về các tội: tham ô tài sản (03 vụ/03 bị cáo), lạm quyền khi thi hành công vụ và lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ (02 vụ/08 bị cáo); nhận hối lộ (01 vụ/02 bị cáo).

Tuy nhiên, công tác phòng chống tham nhũng của tỉnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: hiệu quả công tác tuyên truyền các văn bản về phòng chống tham nhũng ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa cao; kết quả công tác phòng chống tham nhũng chưa được thông tin đầy đủ, kịp thời; sự phối hợp giữa các ngành chức năng trong công tác thanh

tra, kiểm tra, khai thác, xử lý thông tin đấu tranh phòng chống tham nhũng còn hạn chế; công tác tự kiểm tra nội bộ, tự phát hiện hành vi vi phạm tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa làm tốt; chế độ thông tin, báo cáo về phòng chống tham nhũng ở một số địa phương, đơn vị thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời...

Để tiếp tục thực hiện tư tưởng về tham ô, tham nhũng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tỉnh Thái Bình thời gian tới cần tiếp tục, tăng cường thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, theo tư tưởng của Người: “Chúng ta từ trên đến dưới phải đồng tâm hiệp lực”. Đồng lòng, đồng sức chính là điều kiện quan trọng để phòng chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay. Một người làm, nhiều người phá thì dù có cố gắng đến mấy cũng không làm được. Muốn đồng tâm hiệp lực để đẩy lùi bệnh tham nhũng, trước hết, mỗi cán bộ, công chức cần phải được giáo dục hệ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tham ô, tham nhũng. Bởi trong hệ thống của ta còn tồn tại rất nhiều người miệng thì nói: “Phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân, nhưng về vật chất, dễ dàng phạm vào tham ô, lãng phí”. Công tác giáo dục tư tưởng cũng “cần kíp như việc đánh giặc”. Làm tốt được công tác này, tức là chúng ta đã thắng trên “mặt trận tư tưởng và chính trị”. Mục đích để cán bộ, công chức phải thấy được “nó là kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta”. Công tác này cần phải được làm thường xuyên, với nhiều hình thức và nội dung phong phú.

Hai là, cùng với đó là vai trò của người lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Đây chính là người chỉ đạo, tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng chống tham nhũng. Trong những năm qua, ở tỉnh

Thái Bình, một số cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu một số địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phòng chống tham nhũng; xây dựng kế hoạch phòng chống tham nhũng còn chung chung, thiếu giải pháp cụ thể, nhất là phòng chống tham nhũng ngay trong nội bộ cơ quan, đơn vị. Nếu người đứng đầu e dè, lơ là, thiếu trách nhiệm thì không những không phòng chống được tham nhũng mà còn làm cho tham nhũng lan rộng. Do đó, người lãnh đạo phải thực sự kiên trung, anh dũng trên mặt trận phòng chống tham nhũng.

Ba là, tỉnh Thái Bình cần tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác phòng chống tham nhũng. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng chống tham nhũng; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng. Đồng thời, nhanh chóng phát hiện và xử lý nghiêm các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham nhũng. Đó cũng là giải pháp hữu hiệu, quan trọng trong đẩy lùi bệnh tham nhũng ở tỉnh nhà.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng chống tham nhũng; thực hiện tốt mô hình điểm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng; tích cực phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện tham nhũng; chủ động cung cấp, định hướng thông tin tuyên truyền về phòng chống tham nhũng theo Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Tích cực, khẩn trương, xác minh, giải quyết các đơn tố cáo, kiến nghị phản ánh của

công dân trong việc tố cáo các hành vi tham nhũng. Tăng cường, chủ động tiến hành các cuộc thanh tra, nhất là thanh tra trách nhiệm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng tại các địa phương, đơn vị nhằm phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm, tập trung thanh tra vào các lĩnh vực dễ xảy ra các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phối hợp với cơ quan chức năng để đánh giá, chuyển hồ sơ ngay cho cơ quan điều tra.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Muốn lúa tốt thì phải nhổ cỏ cho sạch, nếu không thì dù cày bừa có kỹ, bón phân nhiều, lúa vẫn xấu vì lúa bị cỏ át đi”. Chính vì vậy, trong công tác phòng, chống tham nhũng, tỉnh Thái Bình cùng với các tỉnh, thành trong cả nước cùng quyết tâm xây dựng một “chính quyền trong sạch” theo tư tưởng của Người để không phụ lòng tin tưởng của Nhân dân trong tỉnh và nhân dân cả nước./.

(1) Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong bài nói chuyện quan trọng về Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu vào tháng 3 năm 1952.

(2) (3) (4) (5) Tỉnh ủy: Báo cáo số 26-BC/TU ngày 06 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy về *kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*.

Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1980.
2. Nhiều tác giả: *Những mẩu chuyện về phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020.
3. Báo cáo số 26-BC/TU ngày 06 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy về *kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*.

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Bùi Đức Dũng

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người sớm đưa ra những quan điểm xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đồng thời Người là kiến trúc sư, tổ chức, lãnh đạo xây dựng nền văn hóa mới đó. Về mặt lý luận, tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh góp phần làm phong phú nhận thức của nhân loại và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa; đồng thời, trở thành nền tảng lý luận quan trọng cho đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng, phát triển văn hóa và con người. Khi đi vào thực tiễn, tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh đã tạo ra những thay đổi lớn lao trong đời sống văn hóa dân tộc và mang lại cho dân tộc sức mạnh nội sinh to lớn. Quan điểm của Người về văn hóa, con người thể hiện nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, văn hóa do con người sáng tạo ra nhằm đáp ứng nhu cầu của chính con người

Con người là chủ thể sáng tạo của văn hóa, ngược lại văn hóa là phương thức sinh tồn, là môi trường sống của con người. Con người sáng tạo văn hóa không những trong đời sống tinh thần mà còn cả trong lĩnh vực sản xuất vật chất và lĩnh vực tổ chức đời sống xã hội. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học,

nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng...”⁽¹⁾. Như vậy, văn hóa là do con người sáng tạo ra thông qua lao động, chính là để phục vụ con người, đáp ứng nhu cầu của con người.

Thứ hai, văn hóa góp phần hình thành và phát triển nhân cách con người

Nói tới văn hóa là nói tới con người, văn hóa góp phần hoàn thiện nhân cách con người, với nhiệm vụ trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Người đặt ra tiêu chí cho xây dựng con người cách mạng, con người mới là: “Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo”⁽²⁾. Như vậy, vai trò của văn hóa là trực tiếp xây dựng những phẩm chất nhân cách cần có của con người mới cả về đạo đức, lối sống và nếp sống nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Thứ ba, văn hóa, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển đất nước

Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự phát triển chính là nói tới quá trình trong đó con người được và tự trang bị cho mình những kiến thức, hệ giá trị để có thể trở thành một nhân tố tạo ra sự phát triển. Hồ Chí Minh từng

nói đến văn hóa phải “soi đường cho quốc dân đi”⁽³⁾. Vì vậy, văn hóa phải gắn liền với đời sống, với lao động sản xuất. Năm 1943 khi đề xuất chương trình xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định năm điểm lớn: 1. Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường; 2. Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; 4. Xây dựng chính trị: Dân quyền; 5. Xây dựng kinh tế.⁽⁴⁾

Qua năm điểm lớn của văn hóa dân tộc đã thể hiện sự quan tâm đến quá trình phát triển con người cả về khía cạnh vật chất và tinh thần nhằm phát triển con người toàn diện. Có thể khẳng định rằng, Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa ra những tư tưởng sâu sắc, khoa học và cách mạng về văn hóa, con người.

Thứ tư, xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng, phục vụ nhân dân

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành công Hồ Chí Minh đã bắt tay vào xây dựng nền văn hóa mới, nền văn hóa mới này “cần phải có tính cách khoa học, tính cách đại chúng, thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại”⁽⁵⁾. Tính khoa học của nền văn hóa mới thể hiện ở sự tiến bộ, hiện đại phù hợp với sự tiến hóa chung của nền văn hóa nhân loại. Tính chất đại chúng của nền văn hóa mới đó là nền văn hóa phục vụ nhân dân, đáp ứng nguyện vọng nhân dân, mang đậm tính nhân văn.

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa, văn hiến lâu đời, có bề dày truyền thống hàng nghìn năm. Nền văn hóa đó có hệ giá trị và bản sắc riêng và không bị đồng hóa bởi bất kỳ kẻ thù xâm lược nào. Hệ giá trị và bản sắc đó đã tạo nên sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia

(về chính trị, kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, con người, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...) thì nguồn lực văn hóa đang được nhiều quốc gia coi là một “sức mạnh mềm” quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị thế, vai trò của đất nước trên trường quốc tế. Nhận thức rõ về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đường lối, chính sách về xây dựng, phát triển văn hóa và con người của Đảng ta ngày càng có bước phát triển và không ngừng hoàn thiện trên cơ sở vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đưa ra chủ trương “tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội”⁽⁶⁾. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Nghị quyết đưa ra mục tiêu: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽⁷⁾. Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁸⁾.

(Xem tiếp trang 31)

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ThS. Nguyễn Quốc Huỳnh
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới đã xác định mục tiêu: “Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt” và “Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thành quy chế, quy định để các tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả”. Như vậy, công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó có công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp.

Quán triệt quan điểm Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp và Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới, Thái Bình đã ban hành rất nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện như: Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 15/12/2015

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 28/6/2016 về tiếp tục thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết Chương trình phối hợp về công tác dân vận giai đoạn 2016 - 2021. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp; tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Năm dân vận chính quyền”.

Trong thời gian qua, công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở tỉnh Thái Bình có nhiều đổi mới, chuyển biến rõ nét. Nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan chính quyền về công tác dân vận được nâng lên; vai trò công tác vận động quần chúng trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh, của các địa phương đã được khẳng định, đạt nhiều kết quả, nhất là trong công tác cải cách hành chính, phong trào xây dựng nông thôn mới, vận động nhân dân di dời tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ các chương trình, dự án trọng điểm, công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, v.v... Các cấp chính quyền đã ban hành khá kịp thời, đồng bộ hệ thống các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Công tác cải cách

hành chính, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp được thực hiện đồng bộ, có nhiều chuyển biến tốt, tạo thuận lợi cho nhân dân đến tiếp xúc và giải quyết công việc. Sự phối hợp giữa chính quyền và các cơ quan dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân phát huy quyền làm chủ, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Quá trình triển khai thực hiện công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước được cấp ủy, lãnh đạo các đơn vị gắn với việc thực hiện Nghị quyết trung ương 4 (khóa XI, XII) về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở Thái Bình vẫn còn nhiều hạn chế. Cụ thể, một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước. Việc cụ thể hóa các chủ trương về công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước chưa được thực hiện kịp thời; vai trò của một số cán bộ được phân công, phụ trách công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước chưa được phát huy. Công tác dân vận ở một số cơ quan nhà nước còn chuyển biến chậm, dân chủ chưa thực hiện đầy đủ, chưa phát huy tính năng động, sáng tạo của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác cải cách hành chính đã đạt được nhiều kết quả quan trọng song chưa thật sự đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của tổ chức, công dân, nhất là ở cơ sở.

Những hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân như: một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa được quán triệt sâu sắc việc

xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, có việc, có nơi còn làm hình thức; một bộ phận cán bộ, đảng viên còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa nhiệt tình trách nhiệm với công việc, chưa tận tâm, tận tụy phục vụ nhân dân; một số người còn lợi dụng dân chủ để gây khó khăn cho việc chỉ đạo, điều hành của chính quyền.

Trong điều kiện tình hình đang tập trung thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, giải quyết nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển, việc tăng cường công tác dân vận của các cơ quan nhà nước là vấn đề đặt ra cấp bách và cần thiết. Vì vậy, công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở tỉnh Thái Bình trong thời gian tới cần tập trung những giải pháp sau:

Một là, tiếp tục quán triệt triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận. Gắn việc thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Kết luận số 114-KL/TW, Chỉ thị số 16/CT-TTg với thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Hai là, tiếp tục củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức, cán bộ của hệ thống dân vận các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận có năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các sở, ngành trong thực hiện công tác dân vận; đảm bảo tham mưu kịp thời, hiệu quả góp phần thực hiện tốt công tác dân vận trong cơ quan, đơn vị.

Ba là, đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính theo quy định, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

Bốn là, duy trì thực hiện nghiêm túc công tác tiếp dân, phát huy vai trò của người đứng

đầu cấp ủy, chính quyền trong đối thoại với nhân dân; tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài, không để phát sinh “điểm nóng”.

Năm là, thực hành dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp; nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước.

Sáu là, tổ chức thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước và phong trào “Dân vận khéo” gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ quan nhà nước, tập trung xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực.

Bảy là, tăng cường sự phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-

QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI).

Tám là, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân vận. Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp về công tác dân vận. Tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các điển hình trong việc thực hiện công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.
2. Báo cáo số 245-BC/TU ngày 03/12/2018 của Tỉnh ủy Thái Bình về kết quả thực hiện “Năm dân vận chính quyền”.

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 28)

Quán triệt tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, trong thời gian tới, toàn Đảng, toàn dân đoàn kết xây dựng, phát triển một nền văn hóa và con người Việt Nam, với các đặc trưng văn hóa: dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học, đại chúng, cùng với chiến lược phát triển con người toàn diện với các chuẩn mực cơ bản: yêu nước, nhân ái, vị tha, cần cù, sáng tạo, có lối sống văn hóa. Phát huy được những giá trị văn hóa và sức mạnh nhân tố con người trên, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thành công cuộc đổi mới đất nước vững vàng đi lên chủ nghĩa xã hội./.

(1) (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 3, tr.458

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, Tập 2, tr.280

(3) Hồ chí Minh: *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.63

(5) Ban tư tưởng - Văn hóa trung ương: *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam (1924 - 1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.303-304.

(6) Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.33.

(7) Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.46-47

(8) Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Tập 1, Hà Nội, 2021, tr.116-117

VƯƠN RA BIỂN LỚN - TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

ThS. Phạm Thị Hằng

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Lịch sử nhân loại đôi khi có những con người trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống. Danh tiếng lẫy lừng của họ vượt mọi biên giới quốc gia, thậm chí trở thành biểu tượng, niềm kiêu hãnh chung của nhiều dân tộc, nhiều thế hệ người ở các quốc gia khác nhau trên thế giới. Một trong số đó chính là Đại tướng Võ Nguyên Giáp - một trong những vị tướng huyền thoại của thế kỷ XX vinh quang và bão táp, một vị tướng của dân, của hòa bình. Đã có nhiều công trình nghiên cứu, các cuốn sách, các bài báo, các bộ phim tài liệu về Đại tướng với nhiều khía cạnh khác nhau nhưng trong bài viết này, tác giả xin phép được giới thiệu một số nội dung được sưu tầm qua các tài liệu khác nhau về chủ quyền biển đảo và tư duy phát triển kinh tế biển trong tư tưởng của Đại tướng.

Thế kỷ XXI là thế kỷ của đại dương, cả nhân loại đang hướng ra biển cả. Khi tài nguyên trên đất liền cạn kiệt thì biển cả là cứu cánh của loài người, là không gian sống và sinh tồn của nhân loại. Nguồn lợi từ biển đem lại cho các quốc gia ven biển vô cùng to lớn nhưng đó cũng là căn nguyên dẫn tới nhiều tranh chấp quyết liệt trên biển. Nhận thức sâu sắc được điều này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sớm dành sự quan tâm đặc biệt đến biển, đảo của Tổ quốc. Điều này được thể hiện thông qua 3 nội dung cơ bản sau:

1. Đảm bảo chủ quyền biển, đảo - nhiệm vụ thiêng liêng, chiến lược trong bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế thời bình

Cách đây hơn 40 năm, khi quân và dân ta đang trên đà chiến thắng khắp chiến trường miền Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đề xuất với Trung ương Đảng lãnh đạo chớp thời cơ, nhanh chóng giải phóng các đảo trên biển Đông nằm trong quần đảo Trường Sa, thuộc chủ quyền của Việt Nam. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, là sứ mệnh lịch sử giao phó đã được thực hiện thắng lợi và đi vào trang sử vàng truyền thống của dân tộc ta.

Trong cuốn “Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng”, có một chương được Đại tướng viết về việc “Giải phóng Trường Sa”. Đại diện cho Quân ủy Trung ương, Đại tướng đã kiến nghị với Bộ Chính trị: “vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo quân nguy đang chiếm giữ”⁽¹⁾. Nhưng đồng thời, Đại tướng cũng xác định rõ: khó khăn của ta lúc bấy giờ là lực lượng hải quân còn nhỏ bé, làm thế nào để hành động thần tốc, táo bạo, bất ngờ trên biển là thách thức lớn.

Ngày 9/4/1975, khi nhận được tin quân báo quân nguy bắt đầu rút khỏi biển Đông, các tàu hải quân và lực lượng thuộc Khu 5 đã giả làm tàu đánh cá, xuất phát ra Trường Sa. Lực lượng đặc công của ta đã bí mật tiếp cận, nhanh chóng đổ bộ, bất ngờ chiếm mục tiêu, lần lượt giải phóng các đảo. Đất nước trọn niềm vui thống nhất, hòa bình, núi sông, biển, đảo liền một dải, Nam - Bắc sum họp một nhà. Lịch sử dân tộc bước sang trang mới với hàng loạt vấn đề đặt ra sau chiến tranh.

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu trên cương vị mới của Đại tướng sau ngày đất nước hòa bình là đánh giá toàn diện, cụ thể về “chiến lược biển” gắn với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Phát triển kinh tế biển gắn liền với đảm bảo an ninh, quốc phòng trên biển

Quyết tâm giải phóng các đảo và quần đảo trong đó có quần đảo Trường Sa để bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong lúc còn nhiều khó khăn, trở ngại cho thấy Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sớm nhận thức và sâu sắc về vai trò, tiềm năng to lớn từ biển đối với công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Trong tác phẩm “Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển”, Đại tướng đã nhận định: nước ta lại có bờ biển dài, tài nguyên phong phú, sông ngòi nhiều. Vì vậy, chúng ta cần có bộ đội hải quân và lực lượng hải quân của nhân dân ta phải cùng toàn dân làm nhiệm vụ bảo vệ đất nước ở cả trên sông và trên biển.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nghĩ đến việc đưa dân ra biển, đảo sinh sống, làm ăn. Đây không chỉ đơn thuần là việc phân bố lại dân cư giữa vùng này với vùng khác, giữa khu vực miền núi, đồng bằng, ven biển, biển, đảo cho hợp lý mà thực sự là giải pháp vừa cấp bách, lại vừa có tính chiến lược.

Trong tình hình hiện nay, “nước cờ” mà Đại tướng đưa ra vẫn còn vẹn nguyên giá trị. Thực tế cho thấy, việc đưa dân, tạo điều kiện cho dân vươn khơi bám biển, đảo, sinh cơ lập nghiệp đã và đang được Đảng, Nhà nước, chính quyền các địa phương đặc biệt quan tâm bằng các cơ chế, chính sách cụ thể, thiết thực. Vấn đề mang tầm vĩ mô mà Đại tướng đưa ra là cần phải coi trọng kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, xây dựng cơ cấu kinh

tế biển hợp lý nhằm bảo đảm hỗ trợ nhau phát triển vững chắc.

3. Đoàn kết các lực lượng để tạo ra sức mạnh trên biển của Việt Nam

Đoàn kết các lực lượng luôn là phương châm trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Riêng đối với vấn đề biển đảo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp xác định: tất cả các yếu tố từ kinh tế đến quân sự, từ khoa học - kỹ thuật đến dân cư, bảo vệ môi trường... được phối hợp tổ chức thực hiện tốt sẽ tạo thành sức mạnh trên biển của nước ta mà bất cứ thế lực, kẻ thù nào, dù mạnh đến đâu cũng không thể đe dọa, hoặc có ý đồ lấn chiếm, khuất phục được. Với tư tưởng này, Đại tướng đã có những chỉ đạo chiến lược rất sâu sắc: “Kinh tế vùng biển phải từ đất liền mà phát triển ra biển và các hải đảo. Đưa dân ra làm kinh tế biển đảo, vừa cải thiện được đời sống của dân, vừa có lực lượng để thực hiện quốc phòng toàn dân, để giữ vững chủ quyền biển, đảo”⁽²⁾.

Cùng với phương châm đưa dân bám biển, tạo ra tiềm lực quốc phòng toàn dân, Đại tướng cũng định hướng tới vấn đề khai thác tài nguyên biển: dầu khí, khai thác năng lượng thủy triều, nuôi trồng thủy hải sản vùng ven biển làm phong phú nguồn tài nguyên, thông qua đó phục vụ sự phát triển kinh tế của người dân ven biển, của địa phương ven biển, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Có thể khẳng định, những tư tưởng trên của Đại tướng chính là nhân tố góp phần sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, tăng cường hợp tác quốc tế theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tiếp

(Xem tiếp trang 40)

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẨM QUYỀN

ThS. Phạm Thị Vân Anh

Trưởng Khoa lý luận cơ sở

Công tác cán bộ là một phương thức lãnh đạo của đảng cộng sản trong điều kiện đảng cầm quyền. Để đảm bảo vai trò lãnh đạo đối với xã hội, đảng không chỉ chú trọng đến vấn đề đấu tranh giai cấp mà còn phải quan tâm lãnh đạo nhiều vấn đề trong nội bộ của đảng, trong đó có công tác cán bộ.

Việc phân tích làm rõ hơn sự vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác cán bộ của V.I.Lênin vào điều kiện cụ thể hiện nay là đặc biệt cần thiết, để mỗi tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực từ nhận thức đến tổ chức thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng ta về công tác cán bộ. Những quan điểm của V.I.Lênin về cán bộ và công tác cán bộ được trình bày trong rất nhiều tác phẩm nhưng rõ hơn cả trong bài viết của Người tại Hội nghị XI Đảng Cộng sản Nga về việc thanh đảng.

Trước hết, trong việc lựa chọn, tuyển dụng cán bộ.

Việc tuyển dụng cán bộ phải lựa chọn người có đủ đức, đủ tài, đây là công việc hết sức cụ thể tỉ mỉ. Không thể lựa chọn cán bộ theo kiểu nghe hoặc xem bề ngoài mà phải đi vào “kiểm tra công việc, tìm thực chất của công việc” và phải “nghiên cứu kỹ con người, tìm những cán bộ có bản lĩnh”, “nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định chỉ là mớ giấy lộn”⁽¹⁾. Bởi khi người cán bộ có bản lĩnh thì họ mới có thể vượt qua được những khó khăn trong các giai đoạn chuyển biến cách mạng. Chỉ với bản lĩnh kiên cường,

tấm lòng sắt son với lý tưởng cộng sản, người cán bộ sẽ tìm ra phương pháp để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, việc tuyển chọn được những cán bộ lãnh đạo có tài chính là tìm những người có khả năng làm công tác tổ chức, trên cơ sở đó mới có khả năng tập hợp, thu hút được quần chúng tham gia vào lực lượng cách mạng. Đúng như V.I.Lênin khẳng định: “*nhiệm vụ tổ chức của chúng ta chính là ở chỗ tìm ra những nhà lãnh đạo và những nhà tổ chức trong quần chúng nhân dân. Công tác to lớn, vĩ đại ấy ngày nay trở nên cấp thiết*”⁽²⁾. V.I.Lênin đánh giá cao ý nghĩa và tầm quan trọng của quần chúng nhân dân trong công tác lựa chọn, tuyển dụng cán bộ. Bởi vì, phong trào cách mạng của quần chúng là nơi sản sinh ra nhiều cán bộ có đức, có tài. Điều quan trọng nữa là cán bộ được đông đảo quần chúng đánh giá, tín nhiệm, nên khi được tuyển chọn họ sẽ yên tâm. V.I.Lênin chỉ rõ: “*Những công nhân tiên tiến, được mọi phong trào công nhân đưa lên hàng đầu, thì chủ yếu đều từ trong các tầng lớp ấy mà ra; họ biết tranh thủ được lòng tin cậy hoàn toàn của quần chúng công nhân, họ toàn tâm, toàn ý chăm lo giáo dục và tổ chức giai cấp vô sản, họ tự giác đi theo chủ nghĩa xã hội;... Mọi phong trào công nhân có sức sống đều đào tạo ra được những lãnh tụ công nhân*”⁽³⁾. Trong việc lựa chọn cán bộ, V.I.Lênin đề cao nguyên tắc dân chủ, trong đó nêu cao vai trò của quần chúng trong việc lựa chọn cán bộ; đồng thời, Người yêu cầu cần có cơ chế thích hợp để quần chúng có điều kiện giới thiệu cán

bộ cho Đảng, kiểm tra hoạt động của cán bộ và nếu cán bộ nào không đủ tư cách thì quần chúng có quyền bãi miễn. Người nói: “... *quần chúng phải có quyền được tự mình cử ra những người lãnh đạo có trách nhiệm. Quần chúng phải có quyền được thay đổi những người lãnh đạo của mình, phải có quyền được hiểu rõ và kiểm tra mỗi một bước nhỏ nhất trong hoạt động của những người đó. Quần chúng phải có quyền được đề bạt trong nội bộ của họ bất kỳ một công nhân nào lên phụ trách chức vụ lãnh đạo*”⁽⁴⁾.

Thứ hai, về công tác đánh giá cán bộ.

Trước khi sử dụng, đề bạt cán bộ theo V.I.Lênin, cần phải quan tâm đến phẩm chất, trình độ và năng lực của người cán bộ. Vì vậy, cần làm tốt công tác đánh giá cán bộ trên nhiều mặt, nhiều chiều, tránh cách xem xét một cách phiến diện, chủ quan. Trong đó, Người chú ý đến cán bộ trẻ được trưởng thành từ phong trào quần chúng, thông qua thực tiễn kiểm nghiệm. Chính vì điều đó, mà khi nhận xét về một số cán bộ trẻ V.I.Lênin đã phê bình đối với những người còn mang nặng tư tưởng kinh viện chủ nghĩa hay những đồng chí có ý chí lỗi lạc và có khả năng xuất chúng nhưng lại quá ư say mê với công tác hành chính. Người đặt ra yêu cầu đối với việc nhận xét, đánh giá cán bộ là phải coi trọng công tác “*thanh Đảng*” để gạt bỏ những kẻ “*chui vào đảng*”, “*làm quan*”, đã bị “*quan liêu hóa*”... Đồng thời, khi đánh giá cán bộ, bên cạnh việc coi trọng công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng và phải tăng cường kỷ luật trong Đảng. Người cho rằng: vi phạm kỷ luật - cũng có nghĩa là phản bội lại Đảng, “*kẻ nào làm yếu - dù chỉ là chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyên chính của nó) là thực tế giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản*”⁽⁵⁾. Theo V.I.Lênin khi kỷ

luật phải tiến hành nghiêm minh. Trong bức thư gửi Tòa án Mátxcova trước sự việc xử nhẹ một vụ ăn hối lộ, Người viết: “*Không xử bắn bọn ăn hối lộ mà xử nhẹ như thế là một việc xấu hổ cho những người cộng sản*”. V.I.Lênin yêu cầu phải “*lay động các tòa án nhân dân và dạy cho họ biết trừng trị một cách không thương xót, kể cả việc đem bắn, và nhanh chóng những kẻ lạm dụng chính sách kinh tế mới; “Đối với người cộng sản phải trừng phạt nặng hơn gấp ba lần so với những người ngoài đảng*”⁽⁶⁾.

Thứ ba, đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phải là việc thường xuyên và phải được đầu tư và quan tâm thích đáng. V.I.Lênin rất chú ý đến nội dung, cách thức, phương pháp dạy và học sao cho có hiệu quả, thiết thực phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng tốt nhất yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn. Chẳng hạn, đối với những ủy viên ban kiểm tra trung ương phải học lý luận, nghĩa là lý luận về tổ chức công tác mà họ có ý định chuyên làm; đối với thanh niên nói chung và của đoàn thanh niên cộng sản nói riêng, phải học chủ nghĩa cộng sản, nhưng tránh hiện tượng một sách hay những kẻ khoác lác về chủ nghĩa cộng sản mà phải giúp người ta trở thành người cộng sản biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra và trở thành một bộ phận không thể thiếu của cuộc sống.

Để thực hiện được nội dung giáo dục, đào tạo đó cần phải thay đổi phương pháp dạy và học, đổi mới đội ngũ những người làm công tác giáo dục. Điều này được thể hiện trong tác phẩm “*Thà ít mà tốt*”, V.I.Lênin cho rằng cần phải lựa chọn những người cán bộ có trình độ, kinh nghiệm. Đồng thời, cần mạnh dạn cử cán bộ trẻ có phẩm chất chính trị tốt đi đào tạo ở

nước ngoài, đặc biệt ở các nước tư bản phát triển nhất để họ học dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người lãnh đạo cao nhất lúc bấy giờ.

Thứ tư, công tác sử dụng, bố trí, đề bạt cán bộ.

Việc bố trí, sử dụng phải đúng với năng lực của từng cán bộ trên cơ sở vị trí, tính chất của từng công việc, nhiệm vụ. Nhất là, những cán bộ giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt của Đảng Cộng sản Nga và chính quyền Xô-viết. Với kinh nghiệm, tính nhạy cảm chính trị sâu sắc của mình, V.I.Lênin rất hiểu trình độ, năng lực và phẩm chất của những cán bộ do mình đào tạo, bồi dưỡng. Trong công tác cán bộ, V.I.Lênin chỉ rõ phải thu hút phụ nữ - lực lượng quần chúng đông đảo chiếm một nửa dân số - tham gia công việc quản lý kinh tế, quản lý nhà nước thì mới thực hiện được bình đẳng nam nữ trong xã hội mới. Đồng thời, coi trọng đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ trẻ. Bởi bên cạnh thế mạnh như: thường chiếm số lượng lớn, trẻ, khỏe, nhiệt tình, ham học hỏi, nhạy cảm trong nắm bắt cái mới, tiếp thu kiến thức và vận dụng tri thức khoa học mới rất nhanh, đội ngũ cán bộ trẻ cũng còn hạn chế như thiếu kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm khi giải quyết các tình huống chính trị phức tạp... Chính vì thế, V.I.Lênin cho rằng bên cạnh việc sử dụng tốt đội ngũ cán bộ lâu năm, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và mạnh dạn giao việc đội ngũ cán bộ trẻ.

Thứ năm, công tác điều động, luân chuyển cán bộ.

Khi cách mạng vô sản mới thành công, khối lượng công việc rất nhiều nhưng chưa đủ cán bộ. Vì vậy, để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, việc điều chuyển cán bộ từ vị trí này, nơi này sang vị trí khác, nơi khác là điều không thể tránh khỏi. Đặc biệt, Người lưu ý việc điều động luân chuyển cán bộ, phải

để cán bộ giỏi một việc và thạo nhiều việc thì mới có thể gánh vác nhiệm vụ của nhà nước. Đồng thời, phải dựa trên nguyên tắc nhất định không được tùy tiện mà làm ảnh hưởng đến công việc của người bị chuyển chuyên.

Vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về công tác cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác cán bộ coi đây là một công việc trọng yếu, rất cần kíp của cách mạng. Theo đó, Người khẳng định: Công tác cán bộ có vai trò quyết định tới thành công của toàn bộ công tác xây dựng lực lượng cách mạng của Đảng. Khi nào, nơi nào làm tốt công tác cán bộ thì khi đó, nơi đó cách mạng sẽ có nhiều thuận lợi và giành được thắng lợi và ngược lại.

Trước hết, công tác lựa chọn và tuyển dụng cán bộ.

Sau năm 1920, khi đã trở thành người cộng sản, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã tích cực chuẩn bị cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Hồ Chí Minh là tìm kiếm những thanh niên Việt Nam yêu nước, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện họ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; gửi những người ưu tú hoặc có nhiều triển vọng vào đào tạo tại các trường của Trung Quốc và của Quốc tế Cộng sản.

Ngay sau khi giành độc lập dân tộc năm 1945, Người ra Sắc lệnh số 188-SL năm 1948 về tuyển dụng công chức, đề ra các quy định về thi tuyển công chức vào ngạch bậc của nền hành chính quốc gia như các công chức miền núi, phụ nữ, những người có công trong giải phóng dân tộc, công chức gia nhập quân đội, quân nhân giải ngũ, nhất là có quy định rõ về trọng dụng thành tích tài năng của cán bộ, tại Điều 6, Sắc lệnh số 188-SL quy định: Những

công chức giữ những chức vụ điều khiển hoặc có trách nhiệm về tiền tài sẽ được hưởng một khoản phụ cấp chức vụ hay trách nhiệm; Những công chức về các ngành chuyên môn có bằng cấp cao mà có công dụng thực tế, hoặc có năng lực tương đương, sẽ được hưởng một khoản phụ cấp chuyên môn.

Người cho rằng, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước phụ thuộc vào chất lượng đội cán bộ, công chức, từ đó người yêu cầu cán bộ công chức có chất lượng công tác, có tính chất chuyên môn và tính chuyên nghiệp cao, đảm bảo cho nền hành chính hoạt động ổn định trong mọi điều kiện và trong các thời kỳ lịch sử khác nhau. Chẳng hạn năm 1946, Hồ Chí Minh còn ký Sắc lệnh số 13-SL năm 1946 quy định tiêu chuẩn chuyên môn hóa cán bộ tư pháp: Vào ngạch Thẩm phán Sơ cấp (hạng năm) phải ít nhất 21 tuổi, có bằng Tú tài, và trúng tuyển một kỳ thi; Đối với thẩm phán đệ nhị cấp và muốn được thăng lên trật trên, các Thẩm phán phải ít nhất đã được hai năm thâm niên trong trật hiện tại, và phải được ghi tên vào bảng thăng thưởng.

Hồ Chí Minh xác lập một hệ thống các tiêu chuẩn với từng loại công chức cụ thể: “Đức” và “Tài”, mà “Đức” là nền tảng, là gốc. Đặc biệt, Hồ Chí Minh lưu ý: đã là người cán bộ, công chức thì phải nắm chắc luật pháp, am hiểu pháp luật và vận dụng nhuần nhuyễn chúng trong lĩnh vực hoạt động của mình, tránh làm sai, gây hậu quả xấu cho dân, cho nước.

Để thực hiện việc lựa chọn cán bộ, Người đặc biệt chú ý phải lựa chọn rất cẩn thận những người phụ trách việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đồng thời, Người quán triệt phải đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải có kinh phí tương xứng với yêu cầu, “không

nên bùn xin về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện”⁽⁷⁾.

Thứ hai, về việc hiểu và đánh giá đúng cán bộ

Hiểu và đánh giá đúng cán bộ là yêu cầu tiên quyết và cũng khó khăn trong công tác cán bộ vì không làm tốt công tác này thì không thể làm tốt công tác cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định muốn biết cán bộ trước hết phải biết mình, mà biết mình không phải dễ bởi: Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái ở mình; nếu không biết sự phải trái ở mình thì chắc chắn không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Người làm rõ những nội dung cơ bản để hiểu và đánh giá đúng cán bộ:

Một là, phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ khách quan, khoa học bởi “trong thế giới, cái gì cũng biến hóa”. Vì vậy cách xem xét cán bộ, không nên chấp nhất. Chẳng hạn, một người cán bộ trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi hoặc có cán bộ chưa bị sai lầm, nhưng chưa chắc sau này không phạm sai lầm.

Hai là, đánh giá cán bộ phải toàn diện, tức là khi xem xét cán bộ, không chỉ nhìn nhận ngoài mặt mà còn phải xem xét tính chất của họ, không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn bộ lịch sử, toàn cả công việc của họ. Làm tốt việc đánh giá cán bộ giúp chúng ta tránh được sự nhầm lẫn giữa cán bộ tốt và cán bộ xấu, tránh được người cơ hội, bằng cách này cách khác, chui vào hàng ngũ của Đảng. Hiểu biết cán bộ một cách toàn diện giúp ta phân biệt được cán bộ làm được việc và cán bộ chưa tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhận định rằng: ai mà khoe khoang công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh,

hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế tuy họ làm được việc, cũng không phải là cán bộ tốt; ai cảm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói thẳng thắn, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt.

Ba là, xem xét, đánh giá cán bộ phải làm thường xuyên. Kinh nghiệm cho thấy, mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt tìm thấy những nhân tài mới, mặt khác, những người hủ hóa cũng lòi ra.

Thứ ba, phải “khéo dùng cán bộ”, tức là “dùng người đúng chỗ, đúng việc”.

Hồ Chí Minh cho rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở đã làm việc, dù người tài giỏi, cũng khó tránh khỏi khuyết điểm. Ta phải dùng chỗ hay và giúp người sửa chữa chỗ dở, khéo nâng cao chỗ tốt, khéo sửa chỗ xấu cho họ. Người nói “*dụng nhân như dụng mộc*” - người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong đều tùy chỗ mà dùng được. Hồ Chí Minh phê bình rằng, thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người: thợ rèn thì bảo đi đóng tù, thợ mộc thì bảo đi rèn dao, thành thử hai người đều lúng túng, nếu biết tùy tài mà dùng người thì hai người đều thành công. Người cũng phê phán những căn bệnh khi dùng cán bộ: ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, vì cho họ tốt hơn người bên ngoài; ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình mà chán ghét những người chính trực; ham dùng những người tính tình hợp với mình mà tránh những người tính tình không hợp với mình. “*Phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể có thái độ và tinh thần chí công vô tư đối với cán bộ, không có thành kiến, khiến cán bộ không*

bị bỏ rơi; Phải có tinh thần rộng rãi mới có thể gần gũi với những người mà mình không ưa; Phải có tính chịu khó dạy bảo mới có thể nâng đỡ những cán bộ còn kém, giúp cho họ tiến bộ; Phải sáng suốt mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà cách xa cán bộ tốt; Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, cán bộ mới vui lòng gần gũi mình”⁽⁸⁾.

Mục đích khéo dùng cán bộ là để cán bộ làm được việc, để thực hành tốt chính sách của Đảng và Chính phủ. Muốn vậy phải làm tốt những việc sau đây: 1. Khiến cho cán bộ “cả gan” nói, “cả gan” đề ra ý kiến; 2. Khiến cho cán bộ “có gan” phụ trách, “có gan” làm việc chứ không sẽ đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo “đập đi, hò đứng”, không dám phụ trách như thế là một việc thất bại cho Đảng; 3. Không nên tự tôn, tự đại, mà phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới. Theo Người, nếu cấp dưới đúng, ta phải nghe theo. Nếu không đúng, ta dùng thái độ thân thiết, giải thích cho họ hiểu, không nên phùng mang, trợn mắt, quở trách, giễu cợt họ.

Khéo dùng cán bộ còn liên quan đến việc “*phải có gan cất nhắc cán bộ*”. Cất nhắc cán bộ phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Nếu dùng cán bộ mà vì lòng yêu ghét, thân thích, nể nang là có tội với Đảng, với đồng bào. Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng về công tác, sinh hoạt, cách viết, cách nói, việc làm, cách đối xử với ta và với mọi người; phải biết ưu điểm và khuyết điểm của họ, phải xét ý kiến của nhiều người khác.

Thứ tư, phải huấn luyện cán bộ.

Theo Hồ Chí Minh, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Vì cách mạng là một nghề. Làm nghề gì cũng phải học, làm nghề gì phải thông thạo nghề đó. Cho nên “*Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn*

vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”⁽⁹⁾. Mà huấn luyện thì phải huấn và luyện, “huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc”. Huấn luyện cán bộ tốt phải trả lời được những câu sau: Huấn luyện cho ai? Huấn luyện gì? Huấn luyện như thế nào? Tài liệu huấn luyện? Và phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học. Học phải thiết thực, lấy tự học làm cốt.

Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng: từ việc hoàn thiện các văn bản quy định về đào tạo, bồi dưỡng đến bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ; đồng thời, xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức đảng, cá nhân vi phạm công tác cán bộ đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, công tác cán bộ còn một số hạn chế, bất cập, việc thực hiện một số nội dung còn hình thức. Trong đó, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu; công tác quy hoạch cán bộ thiếu tính tổng thể; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chậm đổi mới. Tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhà, người thân, họ hàng, “cánh hẩu” xảy ra ở một số nơi, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Chủ trương thu hút nhân tài chậm được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách phù hợp...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết, rút ra một trong những bài học sâu sắc trong xây dựng Đảng đó là: *“phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh*

của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân”⁽¹⁰⁾. Để phát huy năng lực và phẩm chất của người cán bộ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay thì công tác cán bộ có ý nghĩa quyết định. Cùng với việc quán triệt sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Một là, đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng: xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Hai là, tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ.

Ba là, đổi mới công tác ứng cử, bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ. Trong đó, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy chế để cấp ủy các cấp có cơ cấu hợp lý, tinh giản số lượng và nâng cao chất lượng cán bộ.

Bốn là, để cán bộ tâm huyết, phát huy năng lực thực sự của mình thì đi đôi trách nhiệm là quyền lợi. Vì vậy cần thực hiện lộ trình cải cách tiền lương phù hợp với từng nhóm đối tượng theo vị trí việc làm, chức danh, chức

vụ, năng suất lao động, hiệu quả công tác và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của đất nước. Xây dựng chính sách nhà ở theo hướng: Nhà nước thống nhất ban hành cơ chế, chính sách; địa phương quy hoạch đất ở, nhà ở; cán bộ, công chức, viên chức mua và thuê mua. Thực hiện nghiêm, đúng đắn, chính xác chế độ thi đua, khen thưởng.

Năm là, xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Trong bối cảnh tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, để có đội ngũ cán bộ ưu tú, có đức, có tài Đảng ta cần nhận thức và vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác cán bộ. Hệ thống tư tưởng của Người về công tác cán bộ là sự

vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin về công tác cán bộ trong giai đoạn đảng cầm quyền, có giá trị lý luận và thực tiễn của nước ta hiện nay, góp phần xây dựng Đảng ta “vừa đạo đức, vừa văn minh./.

(1) Lênin: *Toàn tập, tập 44*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr. 449.

(2) Lênin: *Toàn tập, tập 35*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr. 333.

(3) Lênin: *Toàn tập, tập 35*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr. 339.

(4) Lênin: *Toàn tập, tập 36*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr. 192.

(5) Lênin: *Toàn tập, tập 41*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr. 34.

(6) Lênin: *Toàn tập, tập 44*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr. 486- 487.

(7), (8), (9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Tập 5*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 314, 319, 313.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập II, tr.226.

VƯƠN RA BIỂN LỚN - TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC...

(Tiếp theo trang 33)

tục củng cố, tạo thế và lực mới để giữ vững độc lập, chủ quyền thiêng liêng và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam trong xu thế hội nhập hiện nay.

Với tài năng của một nhà quân sự, bằng trí tuệ uyên bác, tình cảm chân thành, Đại tướng đã làm kẻ thù vừa khiếp sợ, vừa nể phục. Với tư cách một nhà hoạch định chính sách, tầm nhìn của ông được coi là cơ sở khoa học phục vụ đắc lực cho nhiều lĩnh vực liên quan đến biển, đảo.

Trước khi mất, Đại tướng còn chọn nơi an nghỉ ngàn thu của mình là Vũng Chùa - Đảo Yến, tọa lạc trên đỉnh núi Rồng (hay còn

gọi là Thọ Sơn). Ở lại nơi này, Người như ngọn hải đăng tinh thần luôn sáng ngời để dẫn đường, nhắc nhở con cháu muôn đời sau phải có trách nhiệm bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc - nơi các thế lực thù địch và ngoại xâm đang lăm le dòm ngó./.

(1) Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000, tr.295.

(2) Năm 1977, trên cương vị Phó thủ tướng, khi nói chuyện với các nhà khoa học Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đề xuất một chiến lược về khoa học biển và kinh tế miền biển.

VÕ NGUYÊN GIÁP VỚI CHIẾN THUẬT “ĐÁNH ĐIỂM DIỆT VIỆN” TRONG CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Giảng viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. 1950 - năm chuyển hướng chiến lược

Đầu năm 1950 đã diễn ra nhiều sự kiện quốc tế quan trọng: Liên Xô thành trì vững chắc của phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc thế giới đã có nhiều thay đổi trong chính sách đối ngoại; thắng lợi của cách mạng Trung Hoa (10-1949), nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa theo đường lối xã hội chủ nghĩa được thành lập. Tháng 01-1950, các nước xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc, Liên Xô, Mông Cổ, Triều Tiên, Tiệp Khắc... đã chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao, tạo cơ hội khai thông quan hệ giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Việt Nam có thể liên lạc với quốc tế thông qua đường biên giới phía Bắc.

Ở trong nước: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân ta bước sang năm thứ 5 đã gây cho địch những tổn thất nặng nề, lực lượng kháng chiến của ta có sự trưởng thành và lớn mạnh về mọi mặt; Pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch Rove, tăng cường quân ở đường số 4 nhằm khóa chặt biên giới Việt - Trung, củng cố tuyến phòng thủ Đông Bắc, khóa chặt cuộc kháng chiến của ta với bên ngoài, đồng thời thiết lập hành lang Đông - Tây (nối liền các tỉnh Hải Phòng - Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La) phong tỏa, cô lập căn cứ địa Việt Bắc với đồng bằng Bắc bộ, âm mưu mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc lần thứ 2.

Chính vì vậy, tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương (từ ngày

21-01 đến ngày 03-02-1950), Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã trình bày báo cáo quân sự, trong đó xác định năm 1950 “là một năm chuyển hướng chiến lược”, chuyển mạnh sang tổng phản công nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, nổi thông biên giới Việt - Trung, mở rộng căn cứ Việt Bắc với phương châm tác chiến “vận động chiến là chính, du kích chiến là phụ, trận địa chiến là phụ”.

Sau một thời gian chuẩn bị chiến trường, từ việc phân tích bố trí quân của địch, đầu tháng 7-1950, Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Biên Giới (mật danh là Chiến dịch Lê Hồng Phong 2), chuyển trọng tâm chiến dịch từ Tây Bắc sang Đông Bắc, tập trung chủ yếu vào khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn. Ngày 25-7-1950, Thường vụ Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch, đồng chí Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy Mặt trận, Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch.

Đây được đánh giá là cuộc đấu trí, đấu lực đầy cam go, quyết liệt giữa ta và địch. Vì ý nghĩa đó, chiến dịch quan trọng này phải đảm bảo chắc thắng. Trước sự bố trí dày đặc về quân sự, lực lượng, hệ thống phòng bị và vũ khí của thực dân Pháp, lực lượng tham gia chiến dịch của ta gồm 5 trung đoàn chủ lực của Bộ, 3 tiểu đoàn của Liên khu Việt Bắc và các lực lượng vũ trang hai tỉnh Cao Bằng,

Lạng Sơn. Đây là cũng là chiến dịch đầu tiên ta tập trung lực lượng bộ đội lớn.

Ban đầu, Bộ Chỉ huy chiến dịch lựa chọn Cao Bằng là mục tiêu mở màn cho chiến dịch. Tuy nhiên, khi kế hoạch tác chiến được xây dựng và triển khai thì vẫn còn một số cán bộ trong đó có Đại tướng Võ Nguyên Giáp băn khoăn về lựa chọn này. Vì vậy, Ban Tham mưu Mặt trận Biên giới đã tổ chức cho Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và các cán bộ chỉ huy Trung đoàn 174, 209, Đại đoàn 308 và Trung đoàn 675 pháo binh đi trinh sát địa hình Cao Bằng. Vì Cao Bằng là vị trí đặc biệt trọng yếu với ba mặt giáp sông, một mặt dựa vào núi và có thành trì quan trọng, kiên cố, với lực lượng địch đóng là hơn 2 tiểu đoàn. Với trình độ của bộ đội ta lúc đó chưa nên đánh vào Cao Bằng, nếu đánh sẽ tổn thất.

Trên cơ sở phân tích địa hình tự nhiên, tình hình bố trí lực lượng, phòng thủ của địch, Đại tướng cho rằng mở đầu chiến dịch tốt nhất là ở Đông Khê. Bởi, Đông Khê là cứ điểm quan trọng nối liền Thất Khê với Cao Bằng. Trên thực tế, dù đã được địch củng cố nhưng cứ điểm này vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, tuyến phòng thủ Đường số 4 của địch sẽ bị chia cắt, thị xã Cao Bằng trở nên cô lập, địch không có lựa chọn nào khác mà phải đưa quân đến ứng cứu Đông Khê, hoặc đón quân từ Cao Bằng rút về hỗ trợ. Bộ đội ta sẽ có điều kiện tiêu diệt bộ binh địch trên địa hình rừng núi.

Như vậy, việc ta chọn Đông Khê, nơi địch “trung đối yếu, nhưng lại hiểm yếu” vừa bảo đảm chắc thắng trận mở đầu, kéo hẳn địch ra khỏi công sự để tiêu diệt, vừa tạo điều kiện thuận lợi để đánh quân cứu viện, đặc biệt là quân dù. Thực tế chiến sự sau đó đã diễn ra hoàn toàn theo suy tính của Đại tướng.

Điều đó đã thể hiện một tư duy quân sự sắc sảo, linh hoạt và thiên bẩm của vị Đại tướng chưa một ngày học qua trường lớp võ bị nào.

2. Chiến dịch Biên giới - sự vận dụng đỉnh cao của chiến thuật “đánh điểm diệt viện”

2.1. Chiến thuật “đánh điểm diệt viện” - sáng tạo quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

“Đánh điểm, diệt viện” hay “Vây đồn diệt viện” là chiến thuật cơ động trong quân sự do Đại tướng Võ Nguyên Giáp sáng tạo nên trong thời gian hoạch định tấn công Đông Khê - thuộc Chiến dịch Biên giới (1950). Đây là chiến thuật *nhấn mạnh yếu tố cơ động*, bao gồm sự phối hợp của tấn công và mai phục. Để thực hiện chiến thuật này, một đơn vị quân sự sẽ tấn công vào một cứ điểm quân sự, tạo áp lực buộc lực lượng của đối phương phải đưa quân đến ứng cứu. Nhưng lực lượng chi viện mới là mục tiêu chính để đón đánh chứ không phải là lực lượng đối phương đang phòng thủ tại cứ điểm. Bởi, việc đón đánh một đạo quân đang trên đường di chuyển sẽ dễ dàng hơn việc đánh bại một lực lượng đồn trú đang phòng thủ, do yếu tố bất ngờ, linh hoạt, quân đón đánh trong tình trạng mai phục, với tinh thần chủ động vì vậy có lợi thế hơn hẳn.

Tuy nhiên, với các cứ điểm quan trọng, cuộc tấn công, trước hết, sẽ nhằm chiếm đóng cứ điểm đó, bởi nhất định lực lượng đối phương sẽ tổ chức tái chiếm. Vì vậy, sau khi chiếm được cứ điểm, quân tấn công vẫn phải mau chóng tổ chức đón đánh quân chi viện.

Chiến thuật “đánh điểm diệt viện” được Đại tướng Võ Nguyên Giáp đúc rút từ những bài học kinh nghiệm lịch sử quân sự của dân tộc, bởi trước khi là một nhà cách mạng Đại tướng từng là một thầy giáo dạy Lịch sử. Với sự say mê và yêu thích đặc biệt dành cho lịch sử dân tộc đã góp phần tạo nên tư duy quân sự

thiên tài của Đại tướng. Theo các nghiên cứu chỉ ra, trong lịch sử Việt Nam đã từng diễn ra nhiều trận đánh theo tư tưởng của chiến thuật này, tiêu biểu như trận vây hãm thành Đông Quan (1427) bởi Nghĩa quân Lam Sơn, khi địch lợi dụng thành lũy kiên cố để cầm cự, chờ viện binh thì Lê Lợi chỉ huy một mặt tiếp tục “vây thành” mặt khác ưu tiên “diệt viện”. Kết quả, sau khi đánh tan viện binh của địch thì quân Lam Sơn cũng đã hạ được thành lũy của địch.

Có thể thấy, chiến thuật này muốn phát huy hiệu quả phải đánh giá chính xác địa bàn và tầm quan trọng của cứ điểm quân sự, từ đó đề kháng định quân đối phương nhất định sẽ chi viện hoặc nhất định sẽ tổ chức tái chiếm bằng mọi giá. Đồng thời, cũng phải dự tính được các phương án, cách thức, hướng chuyển quân đến của đối phương, từ đó bố trí tốt các điểm mai phục. “Đánh điểm diệt viện” đặc biệt phù hợp với giai đoạn chiến đấu thứ hai trong chiến tranh, khi chúng ta đã bước vào hình thức *Vận động chiến* (cao hơn một mức so với Du kích chiến, nhưng chưa đủ sức để chuyển sang Trận địa chiến).

2.2. Chiến dịch Biên giới - tiêu diệt sinh lực địch bằng “đánh điểm, diệt viện”

Do tầm quan trọng của Chiến dịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp đi thị sát mặt trận nhiều lần và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Sau những tính toán cẩn trọng của Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, ngày 16-9-1950, lực lượng chủ lực của ta đã đồng loạt nổ súng tiến công địch ở cụm cứ điểm Đông Khê. Như dự đoán, địch dựa vào hệ thống công sự để kiên quyết chống trả, dồn lực lượng ta phía ngoài. Chiều hôm sau, quân ta tiến công đợt 2 vào cứ điểm Đông Khê. Đến sáng 18-9, toàn bộ cụm cứ điểm Đông Khê bị tiêu diệt, tiếp nối truyền thống đánh thắng trận đầu của Quân đội nhân

dân Việt Nam. Ngay lúc đó, địch ráo riết lên kế hoạch để chiếm lại Đông Khê và bảo đảm an toàn cho việc rút quân khỏi Cao Bằng.

Ngày 30-9-1950, Pháp triển khai kế hoạch Thérèse (Tê-rê-dơ), nhanh chóng điều động quân đội ở Bắc Bộ thực hiện cuộc “hành quân kép”: Một cánh do trung tá Le Page (Lơ Pa-giơ) chỉ huy hành quân từ Thất Khê lên nhằm chiếm lại cứ điểm Đông Khê mở lại đường số 4 và thu hút chủ lực của quân Việt Minh; một cánh do trung tá Charton (Sác-tông) chỉ huy tiến công từ Cao Bằng xuống gặp Le Page ở Đông Khê.

Đồng thời, địch sử dụng lực lượng dự bị ở Bắc Bộ mở chiến dịch đánh lên Thái Nguyên nhằm kéo chủ lực của ta về giao chiến giảm áp lực cho biên giới. Ta đoán được ý định đó của địch nên đã bố trí quân mai phục trên đường số 4. Hai cánh quân từ Cao Bằng xuống và từ Thất Khê lên, không gặp được nhau.

Đêm 30-9-1950, binh đoàn Le Page hành quân lên định chiếm lại Đông Khê, sáng hôm sau bị quân ta chặn đánh ở phía Nam Đông Khê nhiều trận đánh diễn ra ác liệt. Quân của Le Page buộc phải rút dần lên dãy núi Cốc Xá chờ cánh quân của Charton.

Sáng 03-10-1950, cánh quân của Charton rút khỏi thị xã Cao Bằng bị lực lượng vũ trang địa phương ở Cao Bằng và một bộ phận quân chủ lực của ta truy kích, chặn đánh làm địch bị thiệt hại nặng cố gắng chạy đến điểm cao 477 thuộc phía Tây Cốc Xá.

Quân ta nhanh chóng khép chặt vòng vây từ bốn hướng tiến đánh địch. Charton cố gắng liên lạc với cánh quân của Le Page và Đờ La-bôm từ Thất Khê lên tiếp viện. Các tiểu đoàn của ta phối hợp nhịp nhàng vừa giữ vững trận địa làm cho địch hỗn loạn chạy về Bản Cà cách điểm cao 477 hơn 4 km nhưng bị các đơn vị của ta vây đánh và gọi hàng. Đến 17 giờ, ngày 7-10-1950 toàn bộ binh đoàn Charton bị bắt.

Cũng trong thời gian này ta mở đợt tấn công binh đoàn của Le Page ở núi Cốc Xá. Chiều ngày 08-10-1950, Le Page và bộ tham mưu bị bắt sống tại Nà Cao.

Trước nguy cơ Thất Khê bị tấn công như Đông Khê, ngày 10-10-1950 Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ra lệnh rút quân khỏi Thất Khê trong rối loạn và phải chịu những tổn thất nặng nề. Bị dồn đến đường cùng, địch bỏ các cứ điểm, tháo chạy khỏi Na Sầm, Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn, Lạng Giang, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu. Địch bỏ lại hết tất cả vũ khí, pháo, lương thực, riêng ở Lạng Sơn ta thu được 1.100 tấn vũ khí đạn dược, lương thực. Lúc này, bộ đội ta tiếp tục truy kích góp phần tiêu diệt thêm được một phận sinh lực địch. Sau Chiến dịch Biên giới ta giải phóng được 300 km đường số 4, khai thông tuyến biên giới Việt - Trung và quan trọng hơn là đã tạo nên thế chủ động của ta trên chiến trường.

Với chiến thắng của Chiến dịch Biên giới tạo nên một bước nhảy vọt của quân đội ta về nghệ thuật chiến dịch. Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời, sự phân tích và dự đoán tài tình của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chiến thuật “đánh điểm, diệt viện” đã phát huy được toàn bộ sức mạnh của quân đội ta. Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, là thắng lợi lớn đầu tiên sau 4 năm kháng chiến (kể từ khi) chúng ta mở (những) chiến dịch tiến công lớn. Với lực lượng và trang bị quân sự hạn chế so với kẻ địch, nhưng nhờ vận dụng đúng chiến thuật, chúng ta đã đánh thẳng vào tuyến phòng thủ mạnh của chúng, trực tiếp thực hiện những mục tiêu chiến lược quan trọng. Thắng lợi này mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, chuyển cuộc từ hình thái chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn.

Có thể nói, ở những thời điểm quan trọng của những trận đánh lớn Đại tướng Võ Nguyên

Giáp luôn có những quyết định sáng suốt, tiên liệu sự việc chính xác đến không ngờ. Những quyết định của Đại tướng luôn xuất phát từ những trăn trở trong tâm can, từ trách nhiệm của một vị Tổng tư lệnh trước vận mệnh của dân tộc và sinh mệnh của những người lính. Đó cũng chính là những yếu tố để tên tuổi của Đại tướng đi vào huyền thoại.

Trong 30 năm cầm quân, đã có vô số sự kiện chứng minh tố chất quân sự thiên tài của Đại tướng. Chính sự say mê với lịch sử, luôn có ý thức tự học hỏi nghiên cứu, chiêm nghiệm và đúc rút những bài học quý báu từ lịch sử mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chiến thắng 6 tướng Pháp và 4 tổng tư lệnh Mỹ bằng những tư duy quân sự độc đáo của mình. “Đánh điểm, diệt viện” là đóng góp to lớn của Đại tướng vào kho tàng nghệ thuật quân sự của dân tộc ta./.

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Phạm Ngọc Anh (Cb): *Võ Nguyên Giáp* tiểu sử, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
2. Lê Trung Kiên, Nguyễn Hòa: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người anh hùng huyền thoại*, Nxb. Hồng Đức, 2018.
3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng Tập Hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008.
4. <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/nghe-thuat-quan-su-vn/van-dung-sang-tao-phuong-thuc-danh-diem-diet-vi-en-639775>
5. <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/danh-diem-diet-vi-en-trong-tac-chien-chien-dich-257791>
6. https://vi.wikipedia.org/wiki/C4%90%C3%A1n-h_%C4%91i%E1%BB%83m,_di%E1%B-%B%87t_vi%E1%BB%87n

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG NỮ

ThS. Trần Thị Thâm

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Lao động nữ là người lao động có những đặc điểm riêng biệt so với lao động nam về tâm sinh lý và thể lực, mang những đặc điểm riêng về giới khi tham gia vào quan hệ lao động. Cùng với thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung như lao động nam khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, lao động nữ còn phải thực hiện thêm chức làm mẹ, sinh đẻ và nuôi con. Chính những đặc thù riêng biệt của lao động nữ nên pháp luật có quy định riêng đảm bảo quyền lợi cho họ. Trong lĩnh vực lao động, Nhà nước ta đã thể chế hóa bằng những quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động... Bộ luật Lao động năm 2019 là văn bản pháp luật quan trọng điều chỉnh toàn diện các vấn đề lao động và việc làm nói chung, trong đó dành riêng Chương X quy định các vấn đề về lao động đối với lao động nữ. Sau đây là một số quy định của pháp luật về lao động nữ:

1. Quy định của pháp luật về cơ hội việc làm và thu nhập của lao động nữ

Lao động nữ được bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập với nam giới. Cơ hội việc làm của lao động nữ được thể hiện ở quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm. Từ 15 tuổi, lao động nữ được tự do ký kết hợp đồng lao động với bất kỳ chủ sử dụng lao động (nếu không thuộc danh mục nghề nghiệp cấm sử dụng

lao động nữ); được hưởng lương phù hợp với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc với mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu, không bị phân biệt tôn giáo, thành phần xã hội, được bảo đảm các điều kiện làm việc. Tại Điều 135, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập cho lao động nữ. Cụ thể là: *“Bảo đảm quyền bình đẳng của lao động nữ, lao động nam, thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ, lao động nam có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà...”* Những quy định như vậy là phù hợp, đáp ứng yêu cầu của lao động nữ và tính linh hoạt của thị trường, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2. Quy định của pháp luật về an toàn tính mạng và sức khỏe của lao động nữ

Khi xác lập quan hệ lao động và trong quá trình làm việc hoặc nghỉ chế độ thì người sử dụng phải có trách nhiệm tương ứng với việc đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Điều 136, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định buộc người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại công việc để tuyển dụng và sắp xếp lao

động; hằng năm phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề. Bộ luật Lao động cũng quy định danh mục các công việc mà chủ sử dụng lao động không được tuyển và sử dụng lao động nữ. Đó là các công việc nặng nhọc, độc hại hoặc tiếp xúc với hóa chất độc hại có ảnh hưởng xấu đến chức năng sinh đẻ và nuôi con của người phụ nữ.

Lao động nữ được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh và hạn chế tối đa các tác động xấu đến sức khỏe. Lao động nữ phải tuân thủ các quy tắc về an toàn lao động và vệ sinh lao động. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi về môi trường lao động như: phải bảo đảm nơi làm việc đạt tiêu chuẩn về diện tích tối thiểu, về độ thoáng, về ánh sáng, đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép về khói bụi, khí độc, phóng xạ và các yếu tố có hại khác. Các yếu tố đó phải được định kỳ kiểm tra đo lường, đánh giá tác động. Trong doanh nghiệp phải bố trí phòng sự cố, có bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đặt ở vị trí mà mọi người dễ thấy, dễ đọc.

3. Quy định của pháp luật về bảo đảm việc làm cho phụ nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ

Mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ là thời kỳ nhạy cảm khiến lao động nữ khó kiểm soát tâm lý, mất khả năng tập trung vào công việc. Do đó, người sử dụng lao động phải bố trí, sắp xếp công việc cho lao động nữ phù hợp với giai đoạn này theo quy định. Điều 137, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Lao động nữ làm công việc nặng nhọc khi mang thai từ tháng thứ 07, được chuyển làm công việc nhẹ hơn hoặc được giảm bớt 01 giờ làm/ngày mà vẫn hưởng đủ lương. Người sử dụng lao động

không được phân công lao động nữ làm việc ban đêm, làm thêm giờ và không điều động họ đi công tác xa trong khi họ mang thai từ tháng thứ 07 hoặc từ tháng thứ 06 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Sau khi sinh con, lao động nữ cần có thời gian nghỉ ngơi để thực hiện chức năng sinh đẻ và phục hồi sức khỏe nên thực tế người phụ nữ rất dễ bị mất việc làm. Do vậy, bộ luật Lao động không chỉ quy định sự đảm bảo sự phù hợp giữ sức khỏe cho lao động nữ ở khâu giao kết hợp đồng mà còn cả ở khâu chấm dứt hợp đồng. Tại Điều 138, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định lao động nữ mang thai được các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền xác nhận nếu lao động nữ tiếp tục làm việc sẽ ảnh hưởng xấu tới thai nhi thì họ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Đồng thời, luật cũng quy định người sử dụng lao động không được sa thải lao động nữ vì lý do kết hôn, mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Cũng theo quy định của pháp luật thì lao động nữ trong thời gian mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ sẽ không bị xử lý kỷ luật. Ngoài ra, lao động nữ được đảm bảo việc làm cũ khi trở lại làm việc sau khi hết thời gian nghỉ sinh. Trường hợp việc làm cũ không còn thì người sử dụng phải bố trí việc làm khác cho họ với mức lương không thấp hơn mức lương trước khi họ nghỉ thai sản. Từ ngày 01/01/2018, theo quy định tại Điều 162, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà thực hiện một trong các hành vi: “*Sa thải trái pháp luật đối với người lao động; cưỡng ép, đe dọa buộc*

người lao động, công chức, viên chức phải thôi việc... làm cho người bị thôi việc, người bị sa thải hoặc gia đình họ lâm vào tình trạng khó khăn hoặc dẫn đến đình công, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. Trường hợp người lao động đang mang thai mà người sử dụng biết rõ là họ có thai, người lao động đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; làm người bị buộc thôi việc, người bị sa thải tự sát thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.”

Các chế độ hưởng thai sản đối với lao động nữ được pháp luật quy định chủ yếu tại Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Cụ thể: Lao động nữ khi sinh con được nghỉ trước và sau sinh là 6 tháng (tăng 02 tháng so với quy định trước đây). Trước thời gian sinh con, lao động nữ có thể được nghỉ sinh tối đa không quá 02 tháng. Đây là quy định tiến bộ, đảm bảo sức khỏe của bà mẹ và trẻ em sơ sinh, tạo điều kiện cho những lao động nữ có sức khỏe yếu sau khi sinh con có thêm thời gian để nghỉ ngơi, phục hồi cơ thể và chăm sóc con. Đồng thời, pháp luật cũng quy định trước khi hết thời gian nghỉ thai sản theo quy định, nếu có nhu cầu đi làm và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền về việc đi làm sớm không ảnh hưởng đến sức khỏe của lao động nữ, và được người sử dụng lao động đồng ý, lao động nữ có thể trở lại làm việc khi đã nghỉ ít nhất được 04 tháng. Trong trường hợp này, lao động nữ vừa được hưởng chế độ thai sản vừa được hưởng lương do người sử dụng lao động chi trả.

Bên cạnh những quy định trên, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 còn có quy định cho lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội có vợ sinh con sẽ được hưởng chế độ thai sản để hỗ trợ, bảo vệ người mẹ khi mang thai, sinh con. Cụ thể, tại Điều 34, Luật Bảo hiểm xã hội quy định: *“Lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như sau: nghỉ 05 ngày làm việc; nghỉ 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi; Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc; Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc”*. Như vậy, đầu tiên pháp luật Việt Nam đã cụ thể hóa sự chia sẻ công việc gia đình giữa nam và nữ bằng một quy định cụ thể có ý nghĩa quan trọng. Đây chính là sự tiến bộ của nhà nước ta trong việc bảo vệ lao động nữ, dần xóa bỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ.

Việc thụ hưởng quyền được hưởng bảo hiểm thai sản và chế độ nghỉ chăm sóc con ốm, mang thai của lao động nữ được quy định tại Điều 27, Điều 32 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, phù hợp với quy định của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức Y tế thế giới về việc người mẹ phải khám thai tối thiểu 5 lần cho đến ngày sinh con. Ở khía cạnh bảo vệ sức khỏe sinh sản của lao động nữ, Tại Điều 37, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: *“Khi đặt vòng tránh thai, người lao động được nghỉ 7 ngày. Khi thực hiện biện pháp triệt sản, người lao động được nghỉ việc 15 ngày.”* Cụ thể, về trường hợp người lao động nữ bị sảy thai, nạo, hút thai hoặc
(Xem tiếp trang 55)

LỰA CHỌN NỘI DUNG THẢO LUẬN PHÙ HỢP ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỤM THẢO LUẬN SỐ 5 HỌC PHẦN IV. ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ CÁC LĨNH VỰC ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Thảo luận là một phương pháp học tập quan trọng, mà ở đó, dưới sự dẫn dắt của giảng viên, học viên có sự tương tác lẫn nhau nhằm phát huy khả năng tư duy, tìm tòi, sáng tạo của mình. Để một buổi thảo luận trên lớp thành công cần hội đủ nhiều yếu tố. Đã có nhiều bài viết về các giải pháp nâng cao hiệu quả các buổi thảo luận trên lớp, tuy nhiên trong khuôn khổ của bài viết này tác giả tập trung vào một giải pháp đó là: chọn nội dung thảo luận phù hợp đối tượng người học, góp phần nâng cao chất lượng buổi thảo luận cụm 5, học phần IV. Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực đời sống xã hội ở Trường Chính trị Thái Bình hiện nay.

1. Phương pháp thảo luận

Theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt, Nguyễn Như Ý chủ biên, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin: “Thảo luận là trao đổi, phân tích bằng lý lẽ để làm sáng tỏ một vấn đề”. Như vậy, có thể thấy, thảo luận là sự bàn bạc, trao đổi hay tranh luận của một nhóm người để làm sáng tỏ và đi đến thống nhất trong nhận thức, hành động nhằm giải quyết một vấn đề

nào đó mà mọi người cùng quan tâm. Thảo luận khoa học nhằm làm sáng tỏ kiến thức, tìm hiểu chân lý, tìm cách vận dụng chân lý vào thực tiễn. Thông qua thảo luận người học có điều kiện, môi trường để thể hiện sự hiểu biết, năng lực đánh giá vấn đề cũng như thực hành ứng xử. Thảo luận là cơ hội để người học rèn luyện khả năng diễn đạt, khả năng lập luận logic, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau đối thoại để giải quyết một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn đặt ra. Người học tập dượt nghiên cứu tài liệu, nâng cao năng lực tự học; bước đầu biết phân tích, phê phán, lập luận, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến trong quá trình thảo luận.

Quy trình tiến hành thảo luận thường có ba bước thống nhất với nhau, tương ứng với ba dạng hoạt động cơ bản: chuẩn bị nội dung thảo luận, tiến hành thảo luận và kết thúc thảo luận.

Mục tiêu của các buổi thảo luận chính là làm thế nào để kích thích và huy động được năng lực tư duy của người học, tạo điều kiện để người học có cơ hội bộc lộ quan điểm và nhận thức của mình đối với nội dung các bài

đã học. Đồng thời, người học khắc sâu và mở rộng thêm kiến thức đã được học trong các buổi lý thuyết.

2. Lựa chọn nội dung thảo luận phù hợp với đối tượng người học

Bất cứ lĩnh vực cũng như ngành nghề nào cũng đều phải quan tâm đến đối tượng hoạt động của mình. Đặc biệt trong giáo dục - dạy học, người giáo viên càng phải hiểu đối tượng của mình để tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục sao cho phù hợp và có hiệu quả. Vì vậy, trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học hiện nay, dạy học sát đối tượng trở thành yêu cầu bắt buộc mà mỗi giáo viên trong các nhà trường phải thực hiện. Dạy học sát đối tượng là gì? Hiểu một cách đơn giản, dạy học sát đối tượng có nghĩa là giáo viên phải hiểu biết sâu sắc đối tượng học viên của mình để từ đó lựa chọn nội dung và phương pháp dạy học cho phù hợp với trình độ nhận thức, năng lực học tập của học viên.

Mặt khác, quan điểm của lý luận dạy học hiện đại cũng đề cập đến một nguyên tắc cần đảm bảo trong dạy học đó là nguyên tắc “tính vừa sức”. Dạy học vừa sức có nghĩa là trong quá trình dạy học, những yêu cầu, nhiệm vụ học tập phải phù hợp với giới hạn cao nhất của vùng phát triển trí tuệ của người học. Tính vừa sức trong dạy học được quan niệm “là quá trình dạy học phù hợp với trình độ nhận thức của đối tượng cả về mặt khối lượng kiến thức và khả năng tiếp thu”. Tính vừa sức đòi hỏi dạy học phải phù hợp với đặc điểm lứa tuổi vì mỗi độ tuổi gắn liền với sự trưởng thành thể chất, trí lực cũng như sự tích lũy kinh nghiệm, nhận thức xã hội khác nhau. Vì vậy, trong quá trình thiết kế giáo án, giáo viên phải căn cứ vào đối tượng người học, đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức (học vấn, kinh nghiệm), lĩnh vực công tác để xác định

dung lượng kiến thức phù hợp cần trang bị cho người học. Đây chính là chỗ dựa vững chắc cho giáo viên phát huy năng lực sư phạm và nghệ thuật giảng dạy.

Thực tế cho thấy, để buổi thảo luận diễn ra thành công, hiệu quả, bổ ích giảng viên phải làm tốt bước chuẩn bị nội dung thảo luận. Trong đó việc xác định nội dung thảo luận phù hợp (sát) với đối tượng người học sẽ quyết định chất lượng buổi thảo luận.

3. Vận dụng lý thuyết trên vào xây dựng kế hoạch thảo luận cụm 5, học phần IV chương trình đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính

Theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đối tượng người học chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính phải có đủ 05 điều kiện sau: “Là cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở đương chức và dự nguồn; trưởng, phó trưởng phòng, ban của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; trưởng, phó trưởng phòng, ban thuộc sở, ban, ngành của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đương chức và dự nguồn; có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên; có đủ sức khỏe để học tập; được tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cử đi học; tự nguyện đi học”.

Như vậy, học viên của trường chính trị đều đã ở tuổi trưởng thành, có một khoảng thời gian công tác nhất định trong các cơ quan, ban ngành, các đơn vị, thậm chí có những địa vị nhất định trong xã hội nên về mặt ý thức tổ chức kỷ luật rất cao. Mặt khác, về trình độ thì phần lớn học viên đã qua các trường lớp về chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong công tác, có kiến thức nền tảng cơ bản. Học viên được cử đi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính đến từ tất cả

các xã phường thị trấn và các cơ quan, ban, ngành khác nhau trong tỉnh, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác nhau nên nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng cũng khác nhau. Xuất phát từ đặc điểm trên, từ nhiều năm qua Đảng ủy và Ban Giám hiệu Nhà trường đã phân chia đối tượng người học vào 2 nhóm lớp chính, gồm: Nhóm học viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân các xã, phường, thị trấn dự nguồn các chức danh trên; nhóm thứ hai là trưởng, phó trưởng phòng, ban của huyện, của tỉnh và dự nguồn các chức danh trên.

Việc phân tích các đặc điểm về người học là cần thiết vì điều này giúp giảng viên xác định những vấn đề sau: Xác định trình độ, khả năng tư duy của người học; đặc điểm tâm sinh lý của người học, trên cơ sở đó lựa chọn phương pháp, nội dung thảo luận phù hợp.

Trong chương trình giảng dạy Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, theo Hướng dẫn số 614-HD/HVCTQG ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Cụm thảo luận số 5 học phần IV gồm có 4 bài, từ bài 10 đến bài 13: Những vấn đề cơ bản về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay; Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh; Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay; Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Toàn bộ kiến thức lý thuyết của cụm thảo luận thứ 5 xoay quanh mảng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Như vậy, sẽ có nhiều chủ đề, nhiều nội dung cần trao đổi, tranh luận nhưng trong khuôn khổ một buổi thảo luận thì không thể giải quyết được tất cả nội dung, chủ đề đó. Vì vậy, giảng viên phải lựa chọn chủ đề

sao cho từ một vấn đề cơ bản, một mắt xích chủ yếu của lý luận, thực tiễn hay đường lối mà vẫn có thể giải quyết được nhiều vấn đề khác liên quan. Chính vì vậy, việc chọn chủ đề thảo luận phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Một là, chủ đề được lựa chọn phải là một vấn đề trọng tâm của cụm bài, mang tính tổng hợp, vừa mở rộng vừa nâng cao nhận thức học viên.

Hai là, nội dung (chủ đề) thảo luận phù hợp với đối tượng người học.

Bên cạnh đó, giảng viên cần lưu ý thêm nội dung (chủ đề) thảo luận phải gợi ra sự tranh luận, mang tính thời sự. Bám sát mục tiêu bài giảng và mục tiêu đào tạo. Rõ ràng, ngắn gọn.

Từ nhiều năm qua, kinh nghiệm của bản thân cho thấy khi thiết kế giáo án thảo luận các cụm bài cần soạn song song 2 giáo án phù hợp với 2 nhóm đối tượng học viên. Với cụm 5 học phần IV cũng không ngoại lệ.

3.1. Lựa chọn nội dung thảo luận cụm 5 (đối tượng thảo luận là học viên khối các cơ quan - Lớp B)

** Về mục đích yêu cầu*

- Về kiến thức: Học viên hiểu sâu sắc hơn những kiến thức lý luận cơ bản: quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

- Về kỹ năng: Rèn luyện tư duy phân biện, kỹ năng diễn đạt, lập luận logic bảo vệ quan điểm của bản thân.

- Về thái độ: Học viên tích cực chủ động tham gia nghiên cứu tài liệu, trao đổi, thảo luận. Đồng thời, thêm vững tin vào quan điểm, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Tích cực tham gia bảo vệ

nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về những nội dung trên.

** Về nội dung (chủ đề) thảo luận*

- Chủ đề 1: Đồng chí hãy làm rõ những bước phát triển tư duy về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới?

- Chủ đề 2: Làm rõ sự phát triển nhận thức về đường lối đối ngoại của Đảng ta từ đổi mới đến nay? Đơn vị, ngành đồng chí đang công tác có những giải pháp nào góp phần thực hiện thành công đối ngoại đa phương ở nước ta hiện nay?

- Chủ đề 3: Tại sao nói: “Giải quyết mối quan hệ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp là kế sách độc đáo của dân tộc ta trong quá trình dựng nước và giữ nước”?

- Chủ đề 4: Phân tích những nhân tố chủ yếu tác động đến việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay?

3.2. Lựa chọn nội dung thảo luận cụm 5 (đối tượng thảo luận là học viên khối xã, phường, thị trấn - Lớp A)

** Mục đích yêu cầu:*

- Về kiến thức: Học viên khắc sâu những kiến thức lý luận cơ bản: quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực quốc phòng - an ninh đối ngoại.

- Về kỹ năng: Rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình trước đám đông về một vấn đề chính trị - xã hội.

- Về thái độ: Học viên tích cực chủ động tham gia nghiên cứu tài liệu, trao đổi, thảo luận; đồng thời, thêm vững tin vào quan điểm, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và

Nhà nước Việt Nam về quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Tích cực tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về những nội dung trên.

** Chủ đề (nội dung) thảo luận*

- Chủ đề 1: Tại sao nói: “Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc mang tính chất: Gay go, phức tạp, quyết liệt và lâu dài?” Từ thực tiễn địa phương đang công tác, đồng chí hãy nêu các minh chứng.

- Chủ đề 2: Nêu đặc điểm chủ yếu của tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội ở nước ta hiện nay? Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội ở nước ta hiện nay đang gặp phải khó khăn, thách thức nào? Với cương vị là cán bộ lãnh đạo quản lý, đồng chí đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác an ninh trật tự của địa phương?

- Chủ đề 3: Phân tích tính tất yếu phải kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta hiện nay? Địa phương đồng chí có những giải pháp nào nhằm thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh?

- Chủ đề 4: Việt Nam phải xử lý quan hệ với các nước (đặc biệt là các nước lớn) như thế nào để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc? Địa phương đồng chí có những giải pháp nào góp phần thực hiện thành công hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay?

Như vậy, để nâng cao chất lượng một buổi thảo luận trên lớp có rất nhiều biện pháp khác nhau. Trong đó, lựa chọn nội dung thảo luận phù hợp đối tượng người học là một biện pháp quan trọng./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THẢO LUẬN TRÊN LỚP BÀI “HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY”

ThS. Lại Thanh Sơn

Phó Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin tư liệu

Là một giảng viên, bên cạnh việc soạn giáo án giảng dạy thì việc xây dựng và hoàn thiện giáo án thảo luận trên lớp là nội dung quan trọng. Vì thông qua các buổi thảo luận giúp giảng viên và học viên có điều kiện nghiên cứu, trao đổi, làm rõ hơn những vấn đề chưa được nghiên cứu sâu trong các giờ giảng dạy lý thuyết. Thảo luận là hình thức tổ chức cho người học trao đổi, tranh luận các vấn đề học tập, để học viên tự rút ra được các kết luận, các kiến thức thực tiễn vận dụng vào quá trình công tác của bản thân, đồng thời còn khắc phục tính ỷ lại, sự tiếp thu một cách thụ động và kích thích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu đặc biệt là tự duy sáng tạo của học viên; tăng cường sự trao đổi về kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn giữa giảng viên và học viên, góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình của học viên.

Đối với chuyên đề: “Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay” đã cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản như: Các bộ phận hợp thành hệ thống chính trị của nước ta; các nguyên tắc hoạt động và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị; tính ưu việt và hạn chế của hệ thống chính trị Việt Nam; những phương châm, nội

dung và nguyên tắc cơ bản đối với quá trình đổi mới hệ thống chính trị nước ta. Đây là những kiến thức cơ bản, nền tảng, cung cấp cho học viên cái nhìn tổng quát nhất về hệ thống chính trị nước ta từ đó thấy được những bộ phận hợp thành và các nguyên tắc, cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị địa phương. Nhưng nội dung của bài vẫn còn một số vấn đề đòi hỏi học viên cần tìm hiểu rõ hơn như: Sự khác biệt giữa hệ thống chính trị nước ta với hệ thống chính trị các nước khác; tính ưu việt nhất của hệ thống chính trị nước ta là gì? vì sao phải đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay; cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ hiện nay được thực hiện như thế nào? vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế hiện nay... Đây thực sự vừa là vấn đề mang tính lý luận mà Đảng ta đang phải giải quyết và cụ thể hóa trong các văn kiện đồng thời cũng là vấn đề thực tiễn đang diễn ra ở các địa phương, cơ quan, đơn vị đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tiếp tục nghiên cứu văn bản của Đảng và nhà nước kết hợp điều kiện thực tế địa phương để giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong hệ thống chính trị ở địa phương.

Đề thảo luận tốt chuyên đề: “Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay” cũng như thảo luận các cụm bài khác trong chương trình trung cấp Lý luận chính trị - hành chính cần phải xác định 2 nội dung cơ bản đó là: Soạn giáo án thảo luận và thực hành các kỹ năng thảo luận trên lớp.

Thứ nhất, đối với việc soạn giáo án thảo luận phải xây dựng theo mẫu được quy định tại Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG, đây chính là điều kiện tiên quyết quyết định hiệu quả của buổi thảo luận đó. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng giáo án thảo luận cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản như sau:

Một là, cần phải xác định rõ mục tiêu của bài thảo luận trên cả 3 phương diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể trong bài thảo luận như sau:

- Về kiến thức, giúp củng cố lại cho học viên các kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị ở Việt Nam, phương hướng và các nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- Về kỹ năng, rèn luyện cho học viên các kỹ năng trong công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, thực hiện tốt việc sắp xếp hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các văn bản của địa phương.

- Về thái độ, củng cố niềm tin đối với cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân địa phương về sự ổn định hệ thống chính trị nước ta, tăng cường lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong hệ thống chính trị nước ta.

Hai là, cần phải xác định rõ đối tượng học viên thực hiện thảo luận trong bài thảo luận này được áp dụng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn nên từ đối tượng có thể xác định cụ thể nội dung thảo luận và phương pháp thảo luận sử dụng chủ yếu là phương pháp thuyết trình kết hợp cùng các phương pháp khác như sàng lọc, nêu ý kiến viết bảng...

Ba là, xác định rõ hệ thống các tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung thảo luận: Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Bình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Bình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Bốn là, xác định kiến thức cần phải bổ sung, kiến thức cần gợi mở, kiến thức vận dụng thực tiễn để xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp như:

Hệ thống chính trị nước ta gồm những bộ phận nào cấu thành. Nêu một số hạn chế về tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị và đưa ra biện pháp nâng cao hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay?

Vì sao phải đổi mới Hệ thống chính trị nước ta hiện nay. Nội dung đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Liên hệ việc đổi mới Hệ thống chính trị ở địa phương, cơ quan đồng chí công tác.

Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được vận hành như thế nào trong hệ thống chính trị nước ta. Nội dung nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của tỉnh Thái Bình để tổ chức, sắp xếp các cơ quan, tổ chức trong bộ máy hành chính nhà nước hiện nay?

Đây là hệ thống những câu hỏi vừa củng cố, khắc sâu kiến thức đồng thời đòi hỏi học viên phải cập nhật những văn bản mới về xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta giúp học viên vừa ôn lại được kiến thức cơ bản của bài đồng thời phải tìm hiểu những quan điểm chỉ đạo hiện nay của trung ương và địa phương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nước ta cũng như của địa phương công tác.

Năm là, giảng viên phải hoàn thiện giáo án bằng việc đưa ra đáp án mang tính chi tiết về các nội dung được nêu ra nghiên cứu đồng thời giảng viên phải khái quát lại được những nội dung mang tính chất căn bản của câu hỏi thảo luận. Đơn cử như để làm rõ nội dung “vì sao phải đổi mới Hệ thống chính trị nước ta hiện nay?” thì giảng viên phải nêu ra các lý do cụ thể như: Xuất phát từ việc chuyển nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; xuất phát từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta; một số bất cập, hạn chế từ hệ thống chính trị nước ta: mối quan hệ các bộ phận

cấu thành hệ thống chính trị chưa rõ ràng; vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền; tổ chức bộ máy chậm được đổi mới; vấn đề cán bộ công chức...; đổi mới hệ thống chính trị để phục vụ tốt người dân, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị hướng đến hệ thống chính trị trong sạch, minh bạch và hiệu quả. Đồng thời giảng viên phải nhấn mạnh và khái quát được các vấn đề có liên quan đến việc đổi mới hệ thống chính trị đó là nhu cầu cần thiết trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; củng cố bản chất của nhà nước và mở rộng nền dân chủ nhân dân của nước ta hiện nay thông qua việc đổi mới hệ thống chính trị.

Thứ hai, về thực hành thảo luận trên lớp để tiến hành giờ thảo luận hiệu quả đòi hỏi giảng viên cần có các kỹ năng để điều hành thảo luận cụ thể:

Một là, cần ổn định tổ chức lớp, báo cáo sĩ số lớp yêu cầu học viên ngồi đúng theo sơ đồ vị trí tổ hoặc kê bàn ghế theo yêu cầu của giảng viên để buổi thảo luận có hiệu quả.

Hai là, phân bổ thời gian cho các câu hỏi phù hợp để thực hiện thảo luận được nhiều nội dung nhất của giáo án trong đó phân bổ thời gian tự làm việc của mỗi tổ (nhóm), thời gian trình bày, thời gian nhận xét bổ sung của học viên, thời gian đặt câu hỏi phụ, thời gian khái quát của giảng viên. Đối với nội dung bài thảo luận hệ thống chính trị, thường thực hiện thảo luận từng câu hỏi hoặc chia từng câu hỏi cho các tổ để thảo luận chuyên sâu các tổ khác theo dõi, nhận xét, đặt câu hỏi và trả lời như: Câu 1, câu 2, câu 3 mỗi câu 60 phút trong đó thời gian để các nhóm thảo luận là 20 phút, thời gian trình bày kết quả thảo luận là

10 phút, thời gian các tổ nhận xét đặt câu hỏi là 10 phút; thời gian nhóm thảo luận bổ sung và trả lời câu hỏi là 10 phút, thời gian giảng viên nhận xét, khái quát câu trả lời là 10 phút.

Ba là, giảng viên điều hành chia thành các nhóm theo tổ hoặc các nhóm (mỗi nhóm từ 10-20 học viên) theo câu hỏi được nêu ra, phân công trưởng nhóm, thư ký và yêu cầu đối với từng câu hỏi và yêu cầu sản phẩm được báo cáo của từng câu hỏi, khuyến khích học viên trình bày nhiều phương pháp khác nhau như: thuyết trình, thuyết trình có sử dụng công cụ hỗ trợ như bảng phấn, giấy A0....

Bốn là, yêu cầu các tổ (nhóm khác) nhận xét hoặc đặt câu hỏi đối với nhóm trình bày nội dung.

Năm là, giảng viên nhận xét câu trả lời các nhóm thảo luận và bổ sung, khái quát nội dung câu hỏi thảo luận trong đó phần nhận xét tập trung vấn đề: Biểu dương hoặc phê bình tinh thần làm việc của nhóm; nhận xét nội dung câu trả lời theo yêu cầu câu hỏi; nhận xét về kỹ năng thuyết trình của người đại diện nhóm.

Có thể nói, việc thực hiện tốt nội dung thảo luận của chuyên đề: “Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay” góp phần trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy phần học “Những vấn đề cơ bản về Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay” nói riêng và chương trình Trung cấp lý luận chính trị hành chính nói chung ở Trường Chính trị tỉnh Thái Bình./.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG NỮ

(Tiếp theo trang 47)

thai lưu, pháp luật quy định họ được hưởng trợ cấp “10 ngày nếu thai dưới 1 tháng, 20 ngày nếu thai từ 1 tháng đến dưới 3 tháng, 40 ngày nếu thai từ 3 tháng đến dưới 6 tháng, 50 ngày nếu thai từ 6 tháng trở lên”. Những quy định này giúp lao động nữ có thời gian nghỉ ngơi, nhanh chóng phục hồi sức khỏe, sớm ổn định cơ thể để thực hiện các vai trò của mình.

Nhìn một cách tổng thể, Việt Nam đang có điều kiện pháp lý thuận lợi cho việc đảm bảo thực thi quyền của lao động nữ. Phụ nữ vừa là người lao động, vừa người công dân đồng thời là người mẹ, người thầy đầu tiên trong cuộc đời mỗi con người. Tuy nhiên, trên thực tế còn

một số quy định của pháp luật về quyền của lao động nữ đã điếm ở trên chưa được thực hiện tốt. Vì vậy, cần có sự quan tâm hơn nữa của Đảng và Nhà nước, của gia đình và xã hội đối với lao động nữ. Khả năng và điều kiện lao động, trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ cũng như vị trí xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ ảnh hưởng vô cùng to lớn đến sự phát triển của tương lai đất nước./.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Bình đẳng giới năm 2006
2. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014
3. Bộ luật Lao động năm 2019

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA NHÀ TRƯỜNG TRONG NĂM 2021

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

1.1. Tổ chức khai giảng, bế giảng các lớp

Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021, Nhà trường đã khai giảng 36 lớp, bao gồm:

- Đối với đào tạo: Khai giảng 08 lớp thuộc chương trình đào tạo, trong đó: 05 lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (K62) và 04 lớp Trung cấp lý luận chính trị (K63), tổng số hơn 550 học viên;

- Đối với bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: Tổng số lớp gởi từ năm 2020 và khai giảng trong năm 2021 là 08 lớp, với tổng số 583 học viên;

- Đối với bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng: tổng số lớp gởi từ năm 2020 và khai giảng trong năm 2021 là 09 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, với tổng số 569 học viên, trong đó có 01 lớp dành cho viên chức giảng viên là cán bộ quản lý và trong diện quy hoạch quản lý cấp phòng của Nhà trường.

- Đối với bồi dưỡng theo chức danh ở cơ sở: Nhà trường đã phối hợp với Sở Nội vụ mở 02 lớp bồi dưỡng các chức danh cán bộ, công chức cấp xã với tổng số 520 học viên, gồm: 01 lớp bồi dưỡng Bí thư Đoàn thanh niên cấp xã (260 học viên), 01 lớp bồi dưỡng chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (260 học viên). Thực hiện Kế hoạch số 22-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2021,

Nhà trường tổ chức 10 lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, tổng số 1.235 học viên.

Đối với hoạt động bế giảng, do tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp nên trong điều kiện thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Nhà trường không tổ chức lễ bế giảng tập trung mà chỉ tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho các lớp Trung cấp lý luận chính trị hành chính K58, K59 (tổng số 561 học viên); trao chứng chỉ đối với 06 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, và 04 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng.

1.2. Tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến

Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động chung của Nhà trường. Trước tình hình đó, để thực hiện được nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, ngay từ đầu tháng 4/2021, Ban Giám hiệu đã kịp thời chỉ đạo việc triển khai dạy, học theo hình thức trực tuyến. Được sự phối hợp, giúp đỡ của một số trường chính trị ở các tỉnh bạn, đội ngũ giảng viên Nhà trường đã được tập huấn để thành thạo các hoạt động giảng dạy trên nền tảng ứng dụng Google Meet. Đồng thời, Ban Giám hiệu cũng chỉ đạo việc nâng cấp cơ sở hạ tầng về đường truyền, mạng wifi để phục vụ dạy học trực tuyến; triển khai xây dựng và ban hành quy định về quản lý học viên đối với các lớp trong thời gian học trực tuyến.

Do đó, ngay khi Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 494-CV/HVCTQG ngày 13/5/2021 về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến tại các trường chính trị cấp tỉnh; Công văn số 1000-CV/HVCTQG ngày 08/9/2021 về hướng dẫn một số nội dung liên quan đến đào tạo Trung cấp lý luận chính trị theo hình thức trực tuyến, Trường Chính trị tỉnh Thái Bình đã bảo đảm thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến đối với các hệ lớp theo chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Kết quả, hoạt động giảng dạy vẫn diễn ra thông suốt, bảo đảm 100% các lớp đào tạo, bồi dưỡng tốt nghiệp đúng kế hoạch, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

2. Công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế

2.1. Về công tác nghiên cứu khoa học

Với chủ trương tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động chuyên môn của giảng viên, Nhà trường đã định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học tập trung vào nghiên cứu, trao đổi các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng soạn, giảng trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy theo cả hình thức trực tuyến và trực tiếp.

Năm 2021, Nhà trường đã tổ chức triển khai và nghiệm thu thành công 10 đề tài khoa học cấp trường (gồm 06 đề tài do các khoa và 04 đề tài do các phòng chủ trì), 05 đề tài và sáng kiến kinh nghiệm cấp khoa. Trong số 06 đề tài khoa học cấp trường của các khoa chủ trì thì có 03 đề tài tập trung nghiên cứu, lựa chọn các nội dung của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX để đưa vào bài giảng trong các phân học.

03 đề tài còn lại nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trên các mặt hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội,... tại các địa phương, đơn vị trong tỉnh. Sản phẩm nghiên cứu của các đề tài là tài liệu tham khảo quan trọng để phục vụ công tác soạn, giảng của giảng viên. Bên cạnh đó, trong số 02 hội thảo khoa học cấp trường được tổ chức có 01 hội thảo tập trung vào chủ đề nâng cao chất lượng thảo luận lớp thuộc chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính; 01 hội thảo kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25/11/1911-25/11/2021).

Đối với 04 đề tài của 02 phòng chức năng chủ trì, có 03 đề tài tập trung vào xây dựng dự thảo các quy chế trong các lĩnh vực chức năng do phòng đảm nhiệm, gồm: quy chế đào tạo, quy chế nghiên cứu thực tế của giảng viên và học viên, quy chế quản lý trang website của Trường; 01 đề tài nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện Quy định số 09-QĐi/TW của Ban Bí thư Trung ương và Quy định số 26-QĐ/TU của Tỉnh ủy về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Thái Bình. Hiện các đề tài đã được nghiệm thu thành công. Kết quả nghiên cứu của các đề tài xây dựng quy chế sẽ là căn cứ để Nhà trường triển khai lấy ý kiến trong tập thể giảng viên, hoàn thiện trước khi chính thức ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

Đối với đề tài khoa học cấp tỉnh về nghiên cứu các giải pháp nhằm đẩy mạnh tích tụ và tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao tại Thái Bình, nhóm nghiên cứu đã tích cực triển khai các nội dung trong năm 2021. Do ảnh hưởng

của dịch bệnh Covid-19, một số nội dung của đề tài được chuyển sang năm 2022. Dự kiến đề tài sẽ hoàn thành trong tháng 4/2022.

Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích các giảng viên tham gia nghiên cứu ở nhiệm vụ khoa học cấp cao hơn, Nhà trường đã tổ chức thành công *Cuộc thi đề xuất ý tưởng nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh năm 2022*. Cuộc thi đã thu hút được đông đảo giảng viên tham gia. Kết quả, Nhà trường đã chọn ra được 05 ý tưởng có giá trị khoa học và thực tiễn cao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh - quốc phòng của tỉnh, là căn cứ để đề xuất các nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Hưởng ứng Công văn số 522-CVHVCTQG ngày 20/5/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tổ chức triển khai Cuộc thi viết chính luận khoa học “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới”, Nhà trường đã có 11 bài viết của 11 giảng viên tham gia Cuộc thi. Kết quả có bài viết của Thạc sĩ Nguyễn Thị Hồng Thuận - Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở đạt giải Ba.

Ngoài ra, Nhà trường tổ chức toàn bộ giảng viên tham gia nhiều hội thảo khoa học bằng hình thức trực tuyến như: Hội thảo khoa học cấp Bộ tổ chức tại Vĩnh Phúc, Hội thảo khoa học Cụm thi đua số 4 các Trường Chính trị đồng bằng sông Hồng tổ chức tại Trường Chính trị tỉnh Hà Nam, Hội thảo khoa học tại Trường Chính trị tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Về công tác tổ chức hoạt động nghiên cứu thực tế

Trong năm 2021, Nhà trường đã chỉ đạo các khoa chuyên môn tổ chức nghiên cứu thực tế cho 12 lớp Trung cấp lý luận chính trị

- hành chính các khóa K59 và K60. Nội dung nghiên cứu thực tế tập trung vào các vấn đề: Kết quả hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; kinh nghiệm và bài học trong xây dựng hệ thống chính trị; các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, các phong trào thi đua, các cuộc vận động ở địa phương; các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tình hình xây dựng nông thôn mới,... Thực hiện Công văn số 1000-CV/HVCTQG ngày 08/9/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về hướng dẫn một số nội dung liên quan đến đào tạo Trung cấp lý luận chính trị theo hình thức trực tuyến, Nhà trường đã tổ chức thực hiện nội dung nghiên cứu thực tế theo hình thức nghe báo cáo thực tế theo hình thức trực tuyến.

Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu thực tế của giảng viên cũng được yêu cầu kết hợp linh hoạt giữa việc đi nghiên cứu thực tế tại các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh với hình thức nghiên cứu tài liệu thực tiễn của các đơn vị trong tỉnh.

3. Công tác soạn bài, thao giảng các cấp

Căn cứ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các khoa đã chủ động phân công giảng viên soạn giáo án theo khung quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đến hết tháng 11/2021, 100% giảng viên đã hoàn thành định mức bài soạn mới, chủ động cập nhật, bổ sung kiến thức lý luận, thực tiễn trong quá trình soạn giảng; 100% giảng viên hoàn thành thao giảng cấp khoa; 06 giảng viên thao giảng cấp trường với kết quả loại Giỏi trở lên.

Thực hiện Quyết định số 2252/QĐ-HVCTQG ngày 21/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban

hành chương trình đào tạo cán bộ, lãnh đạo quản lý ở cơ sở (hệ trung cấp Lý luận chính trị), Nhà trường ban hành Quyết định số 210-QĐ/TCT ngày 04/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Chính trị về việc ban hành chương trình đào tạo cán bộ, lãnh đạo quản lý ở cơ sở (hệ trung cấp Lý luận chính trị) của Trường Chính trị tỉnh Thái Bình, Quyết định số 211-QĐ/TCT ngày 04/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Chính trị về việc phân công thực hiện chương trình đào tạo cán bộ, lãnh đạo quản lý ở cơ sở (hệ trung cấp Lý luận chính trị) của Trường Chính trị tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở đó, các khoa đã triển khai cho giảng viên soạn và giảng kịp thời đối với các lớp Trung cấp lý luận chính trị từ K63.

Tại Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương lần thứ VII, Nhà trường đã chọn, cử 02 giảng viên tham dự là ThS. Trần Thị Thêm (giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật) và ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (giảng viên khoa Xây dựng Đảng). Kết quả 2/2 đồng chí được Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh công nhận đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi toàn quốc.

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên

Trong năm 2021, Nhà trường đã cử 01 đồng chí học nghiên cứu sinh tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; 01 giảng viên học lớp Cao cấp lý luận chính trị do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức tại tỉnh Thái Bình; 23 giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; 05 giảng viên tham gia học lớp Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Học viện Chính trị; 03 đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở tại

Học viện Hành chính Quốc gia; cử 02 giảng viên tham gia đào tạo lớp giảng viên trường chính trị; phối hợp Trường Chính trị Trường Chính tỉnh Nam Định, trường Chính trị tỉnh Hải Dương lập danh sách cử giảng viên tham gia bồi dưỡng lớp Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; 100% giảng viên tham gia tập huấn giáo trình Trung cấp lý luận chính trị; 05 đồng chí lãnh đạo khoa, phòng tham gia lớp Bồi dưỡng quốc phòng - an ninh (đối tượng 3).

Ngoài ra, giảng viên còn được tham gia các khóa tập huấn do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức theo hình thức trực tuyến. Các khóa tập huấn về công tác thanh tra, phương pháp nghiên cứu khoa học, tôn giáo. Thông qua các khóa tập huấn, giảng viên đã được bổ sung, cập nhật các kiến thức mới giúp nâng cao hiệu quả chuyên môn nghiên cứu và giảng dạy.

5. Công tác Đảng, đoàn thể

5.1. Công tác xây dựng Đảng

Đảng bộ Trường đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Đại hội đại biểu Đảng bộ khối lần thứ VI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Đảng ủy đã tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đảng ủy cũng đã tổ chức học tập, quán triệt nội dung cơ bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường và trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19; quán triệt tinh thần và quy định của bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội nhân dân các cấp.

Cũng trong năm 2021, Đảng ủy lãnh đạo và hoàn thành quy trình xét kết nạp 02 quần chúng vào Đảng; cử 02 đảng viên mới kết nạp dự học lớp Bồi dưỡng đảng viên mới do Ban Thường vụ Đảng ủy Khối tổ chức; lãnh đạo thực hiện quy trình chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên mới kết nạp và đảng viên thay đổi nơi cư trú về sinh hoạt nơi cư trú theo quy định; chuyển đảng chính thức cho 02 đồng chí đảm bảo quy trình được Đảng ủy Khối chuẩn y.

5.2. Công tác Công đoàn, Đoàn thanh niên, cựu chiến binh

Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Công đoàn viên chức tỉnh Thái Bình, Công đoàn Trường Chính trị đã phát động tập thể đoàn viên Nhà trường mỗi người ủng hộ ít nhất 01 ngày lương cho Quỹ vắc-xin phòng chống Covid-19, ít nhất 01 ngày lương cho Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Mái ấm công đoàn và các loại quỹ khác.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong những tháng đầu năm 2021, nhiều mặt hàng nông sản của tỉnh gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ. Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Chính trị tỉnh Thái Bình phối hợp với Công đoàn Trường Chính trị tỉnh Thái Bình triển khai chương trình “Chung tay giải cứu nông sản”. Kết quả, chỉ trong 02 ngày, chương trình đã hỗ trợ tiêu thụ 600 kg

bắp cải cho bà con nông dân các xã của huyện Vũ Thư. Số nông sản được hỗ trợ tuy tiêu thụ không nhiều nhưng thể hiện tinh thần tương thân, tương ái của Công đoàn viên và Đoàn viên Đoàn thanh niên Nhà trường.

6. Các hoạt động khác

Cơ sở vật chất, cảnh quan Nhà trường tiếp tục được sửa chữa, chỉnh trang, đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy, học tập của cán bộ, viên chức nhà trường. Năm 2021, Nhà trường đã triển khai công tác xã hội hóa đối với việc trồng lại một số cây xanh trong khuôn viên nhà trường, huy động và được sự ủng hộ rất lớn từ học viên; nâng cấp hệ thống mạng cáp quang và một số thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh phát sinh; trang bị phòng họp trực tuyến đáp ứng nhu cầu hội họp, tập huấn; hoàn thiện các thủ tục trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt việc sửa chữa phòng họp cơ quan và nhà truyền thống; thực hiện bảo dưỡng hệ thống điều hòa, quạt, đường ống, bể nước và thiết bị vệ sinh...

Trong năm 2021, Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp có hiệu quả phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong trường học, Nhà trường đã thực hiện đúng quy định giãn cách xã hội, tổ chức tuyên truyền vận động công chức, viên chức, người lao động và người thân thực hiện nghiêm các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phòng chống dịch bệnh; xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức, hành chính trực, giải quyết các công việc, vì vậy mọi hoạt động đối nội, đối ngoại của Nhà trường vẫn được duy trì tốt./.

Phương Thảo (tổng hợp)